

## **CÔNG TY CỔ PHẦN THỰC PHẨM BÍCH CHI**

Báo cáo tài chính hợp nhất đã được kiểm toán  
Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020



## MỤC LỤC

	Trang
<b>BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC</b>	1 – 3
<b>BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP</b>	4 – 5
<b>BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT ĐÃ ĐƯỢC KIỂM TOÁN</b>	
Bảng cân đối kế toán hợp nhất	6 – 9
Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất	10
Báo cáo lưu chuyển tiền tệ hợp nhất	11 – 12
Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất	13 – 39

==  
/A  
/C  
CH  
KIẾ  
C  
:HI  
/C  
/N  
==

## **BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC**

Ban Tổng Giám đốc Công ty Cổ phần Thực Phẩm Bích Chi (gọi tắt là "Công ty") hân hạnh đệ trình báo cáo của mình cùng với Báo cáo tài chính hợp nhất đã được kiểm toán cho năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2020.

### **1. Thông tin chung**

Công ty Cổ phần Thực Phẩm Bích Chi (gọi tắt là "Công ty") là doanh nghiệp được thành lập dưới hình thức chuyển từ doanh nghiệp nhà nước thành Công ty Cổ phần theo Quyết định số 968/QĐ-UB-HC ngày 18 tháng 10 năm 2000 của Ủy ban Nhân dân tỉnh Đồng Tháp. Công ty hoạt động theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số 1400371184 đăng ký lần đầu ngày 27 tháng 12 năm 2000 và đăng ký thay đổi lần thứ 17 ngày 30 tháng 05 năm 2019 do Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Đồng Tháp cấp.

Mã chứng khoán: BFC

Trụ sở chính:

- Địa chỉ : 45X1 Nguyễn Sinh Sắc, phường 2, TP Sa Đéc, tỉnh Đồng Tháp
- Điện thoại : 02773 681 910
- Fax : 02773 864 674

Hoạt động kinh doanh chính của Công ty là:

- Sản xuất chế biến lương thực thực phẩm;
- Kinh doanh xuất nhập khẩu các loại thực phẩm, đường, sữa, các sản phẩm sữa, bánh kẹo và các sản phẩm chế biến từ gạo, ngũ cốc, bột, tinh bột;

### **2. Các thành viên Hội đồng quản trị, Ban Kiểm soát và Ban Tổng Giám đốc**

Các thành viên Hội đồng quản trị, Ban Kiểm soát và Ban Tổng Giám đốc trong năm tài chính và cho đến ngày lập báo cáo này là:

#### **Hội đồng quản trị**

<b>Họ và tên</b>	<b>Chức vụ</b>	<b>Ngày bổ nhiệm</b>	<b>Ngày miễn nhiệm</b>
Ông Mai Thế Khôi	Chủ tịch	01/08/2020	
Ông Phạm Thanh Bình	Chủ tịch		01/08/2020
Ông Bùi Văn Sáu	Phó Chủ tịch	24/04/2016	
Ông Trang Sĩ Đức	Thành viên	24/04/2016	
Ông Phạm Hoàng Thái	Thành viên	24/04/2016	
Ông Nguyễn Ngọc Tiềm	Thành viên	24/04/2016	
Ông Mai Thế Khôi	Thành viên	16/04/2017	
Bà Nguyễn Hương Liên	Thành viên	01/05/2019	

#### **Ban Kiểm soát**

<b>Họ và tên</b>	<b>Chức vụ</b>	<b>Ngày bổ nhiệm</b>
Bà Nguyễn Thị Thu Thảo	Trưởng ban	01/05/2019
Ông Trần Mạnh Hùng	Thành viên	24/04/2016
Bà Nguyễn Thị Thu Thủy	Thành viên	24/04/2016

#### **Ban Tổng Giám đốc**

<b>Họ và tên</b>	<b>Chức vụ</b>	<b>Ngày bổ nhiệm</b>	<b>Ngày miễn nhiệm</b>
Ông Phạm Thanh Bình	Tổng Giám đốc	01/08/2020	
Ông Bùi Văn Sáu	Phó Tổng Giám đốc	06/11/2018	
Ông Trang Sĩ Đức	Phó Giám đốc	06/11/2018	27/03/2020
Ông Phạm Hoàng Thái	Phó Giám đốc	01/04/2016	
Bà Bùi Thị Ngọc Tuyên	Phó Giám đốc	27/08/2020	

CÔNG TY CỔ PHẦN THỰC PHẨM BÍCH CHÌ  
45X1 Nguyễn Sinh Sắc, phường 2, TP Sa Đéc, tỉnh Đồng Tháp  
**BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC**

**Đại diện pháp luật**

<u>Họ và tên</u>	<u>Chức vụ</u>		
Ông Mai Thế Khôi	Chủ tịch	01/08/2020	
Ông Phạm Thanh Bình	Tổng Giám đốc	01/05/2019	01/08/2020

**3. Đánh giá tình hình kinh doanh**

Kết quả hoạt động kinh doanh của Công ty cho năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2020 và tình hình tài chính vào cùng ngày này được thể hiện trong Báo cáo tài chính đính kèm.

**4. Các sự kiện phát sinh sau ngày kết thúc năm tài chính**

Không có sự kiện quan trọng nào xảy ra kể từ ngày kết thúc năm tài chính đưa đến yêu cầu phải điều chỉnh hoặc công bố trong Bản thuyết minh Báo cáo tài chính.

**5. Kiểm toán viên**

Công ty TNHH Kiểm toán AFC Việt Nam - Chi nhánh Cần Thơ được chỉ định là kiểm toán viên thực hiện kiểm toán Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2020.

**6. Công bố trách nhiệm của Ban Tổng Giám đốc đối với Báo cáo tài chính**

Ban Tổng Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm về việc lập Báo cáo tài chính hợp nhất để phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính, kết quả hoạt động kinh doanh và lưu chuyển tiền tệ của Công ty trong năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2020. Trong việc lập Báo cáo tài chính này, Ban Tổng Giám đốc phải:

- Chọn lựa các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách này một cách nhất quán.
- Thực hiện các xét đoán và các ước tính một cách hợp lý và thận trọng.
- Nêu rõ các chuẩn mực kế toán áp dụng cho Công ty có được tuân thủ hay không và tất cả các sai lệch trọng yếu đã được trình bày và giải thích trong Báo cáo tài chính.
- Lập Báo cáo tài chính trên cơ sở hoạt động liên tục trừ trường hợp không thể cho rằng Công ty sẽ tiếp tục hoạt động liên tục.
- Thiết lập và thực hiện hệ thống kiểm soát nội bộ một cách hữu hiệu nhằm hạn chế rủi ro có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn trong việc lập và trình bày Báo cáo tài chính.

Ban Tổng Giám đốc đảm bảo các sổ kế toán có liên quan được lưu giữ đầy đủ để phản ánh tình hình tài chính, tình hình hoạt động của Công ty với mức độ chính xác hợp lý tại bất kỳ thời điểm nào và các sổ kế toán tuân thủ chế độ kế toán áp dụng. Ban Tổng Giám đốc cũng chịu trách nhiệm quản lý các tài sản của Công ty và do đó đã thực hiện các biện pháp thích hợp để ngăn chặn và phát hiện các hành vi gian lận có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính hợp nhất.

Ban Tổng Giám đốc cam kết đã tuân thủ các yêu cầu nêu trên trong việc lập và trình bày Báo cáo tài chính hợp nhất.

CÔNG TY CỔ PHẦN THỰC PHẨM BÍCH CHÌ  
45X1 Nguyễn Sinh Sắc, phường 2, TP Sa Đéc, tỉnh Đồng Tháp  
**BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC**

---

**7. Công bố các báo cáo tài chính hợp nhất**

Ban Tổng Giám đốc Công ty công bố các Báo cáo tài chính hợp nhất đính kèm. Báo cáo tài chính hợp nhất này phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính của Tập đoàn vào ngày 31 tháng 12 năm 2020, cũng như kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất và các luồng lưu chuyển tiền tệ hợp nhất cho năm tài chính kết thúc vào cùng ngày, được lập phù hợp với các chuẩn mực kế toán Việt Nam, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam hiện hành và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính hợp nhất.

Thay mặt Ban Tổng Giám đốc



Ông **PHẠM THANH BÌNH**  
Tổng Giám đốc  
Đồng Tháp, ngày 15 tháng 03 năm 2021





Công ty TNHH Kiểm Toán AFC Việt Nam  
AFC Vietnam Auditing Co., Ltd.

Thành viên tập đoàn PKF Quốc tế  
Member firm of PKF International

**PKF**

Accountants &  
business advisers

Số: 020C/2021/BCKTHN-CT.00224

## BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP

**Kính gửi: Các Cổ đông, Hội đồng quản trị và Ban Tổng Giám đốc  
CÔNG TY CỔ PHẦN THỰC PHẨM BÍCH CHI**

Chúng tôi đã kiểm toán báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo của Công ty Cổ phần Thực Phẩm Bích Chi và Công ty con (gọi tắt là Tập đoàn), được lập ngày 15 tháng 03 năm 2021 từ trang 6 đến trang 39 bao gồm Bảng cân đối kế toán hợp nhất tại ngày 31 tháng 12 năm 2020, Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất, Báo cáo lưu chuyển tiền tệ hợp nhất cho năm tài chính kết thúc cùng ngày và Bản thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất.

### Trách nhiệm của Ban Tổng Giám đốc

Ban Tổng Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm về việc lập và trình bày trung thực và hợp lý báo cáo tài chính hợp nhất theo chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính hợp nhất và chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Ban Tổng Giám đốc xác định là cần thiết để đảm bảo việc lập và trình bày báo cáo tài chính hợp nhất không có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn.

### Trách nhiệm của Kiểm toán viên

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra ý kiến về Báo cáo tài chính hợp nhất dựa trên kết quả của cuộc kiểm toán. Chúng tôi đã tiến hành kiểm toán theo các Chuẩn mực Kiểm toán Việt Nam. Các Chuẩn mực này yêu cầu chúng tôi tuân thủ chuẩn mực và các quy định về đạo đức nghề nghiệp, lập kế hoạch và thực hiện cuộc kiểm toán để đạt được sự đảm bảo hợp lý về việc liệu Báo cáo tài chính hợp nhất của Công ty có còn sai sót trọng yếu hay không.

Công việc kiểm toán bao gồm thực hiện các thủ tục nhằm thu thập các bằng chứng kiểm toán về các số liệu và thuyết minh trên Báo cáo tài chính hợp nhất. Các thủ tục kiểm toán được lựa chọn dựa trên xét đoán của kiểm toán viên, bao gồm đánh giá rủi ro có sai sót trọng yếu trong Báo cáo tài chính hợp nhất do gian lận hoặc nhầm lẫn. Khi thực hiện đánh giá các rủi ro này, kiểm toán viên đã xem xét kiểm soát nội bộ của Công ty liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính hợp nhất trung thực, hợp lý nhằm thiết kế các thủ tục kiểm toán phù hợp với tình hình thực tế, tuy nhiên không nhằm mục đích đưa ra ý kiến về hiệu quả của kiểm soát nội bộ của Công ty. Công việc kiểm toán cũng bao gồm đánh giá tính thích hợp của các chính sách kế toán được áp dụng và tính hợp lý của các ước tính kế toán của Ban Tổng Giám đốc cũng như đánh giá việc trình bày tổng thể Báo cáo tài chính hợp nhất.

Chúng tôi tin tưởng rằng các bằng chứng kiểm toán mà chúng tôi đã thu thập được là đầy đủ và thích hợp làm cơ sở cho ý kiến kiểm toán của chúng tôi.

### Ý kiến của Kiểm toán viên

Theo ý kiến của chúng tôi, chúng tôi không thấy có vấn đề gì khiến chúng tôi cho rằng báo cáo tài chính hợp nhất đính kèm không phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu tình hình tài chính hợp nhất của Tập đoàn tại ngày 31 tháng 12 năm 2020, kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất và lưu chuyển tiền tệ hợp nhất của Tập đoàn cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính hợp nhất.

## BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP (tiếp theo)

### Vấn đề khác

Báo cáo tài chính hợp nhất của Tập đoàn cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2019 đã được kiểm toán bởi kiểm toán viên và Doanh nghiệp Kiểm toán khác. Kiểm toán viên của Công ty kiểm toán này đã đưa ra báo cáo kiểm toán hợp nhất cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2019 vào ngày 24 tháng 02 năm 2020 với ý kiến chấp nhận toàn phần.



TRANG ĐẮC NHA

Giám đốc

Số Giấy CNĐKHN kiểm toán: 2111-2018-009-1

CÔNG TY TNHH KIỂM TOÁN AFC VIỆT NAM - CHI NHÁNH CẦN THƠ

Thành phố Cần Thơ, ngày 15 tháng 03 năm 2021

A blue ink signature of Nguyễn Thị Ngọc Bích.

NGUYỄN THỊ NGỌC BÍCH

Kiểm toán viên

Số Giấy CNĐKHN kiểm toán: 0600-2018-009-1

ĐOÀN  
KIỂM  
TOÁN  
CẦN  
THƠ

**BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT**

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2020

Đơn vị tính: VND

	Mã số	Thuyết minh	31/12/2020	01/01/2020
<b>TÀI SẢN</b>				
<b>TÀI SẢN NGẮN HẠN</b>	<b>100</b>		<b>317.269.337.435</b>	<b>230.004.813.148</b>
<b>Tiền và các khoản tương đương tiền</b>	<b>110</b>	5.1	<b>53.852.142.305</b>	<b>57.438.506.394</b>
Tiền	111		23.352.142.305	40.438.506.394
Các khoản tương đương tiền	112		30.500.000.000	17.000.000.000
<b>Đầu tư tài chính ngắn hạn</b>	<b>120</b>		<b>109.450.000.000</b>	<b>39.389.246.575</b>
Chứng khoán kinh doanh	121		-	-
Dự phòng giảm giá chứng khoán kinh doanh	122		-	-
Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	123	5.2	109.450.000.000	39.389.246.575
<b>Các khoản phải thu ngắn hạn</b>	<b>130</b>		<b>62.334.262.959</b>	<b>62.241.582.345</b>
Phải thu ngắn hạn của khách hàng	131	5.3	54.910.165.587	56.646.798.599
Trả trước cho người bán ngắn hạn	132	5.4	2.113.454.975	2.891.255.525
Phải thu nội bộ ngắn hạn	133		-	-
Phải thu theo tiến độ kế hoạch hợp đồng xây dựng	134		-	-
Phải thu về cho vay ngắn hạn	135		-	-
Phải thu ngắn hạn khác	136	5.5	6.611.476.093	3.900.278.985
Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi	137	5.6	(1.300.833.696)	(1.196.750.764)
Tài sản thiếu chờ xử lý	139		-	-
<b>Hàng tồn kho</b>	<b>140</b>		<b>89.012.561.216</b>	<b>67.797.446.789</b>
Hàng tồn kho	141	5.7	89.012.561.216	67.797.446.789
Dự phòng giảm giá hàng tồn kho	149		-	-
<b>Tài sản ngắn hạn khác</b>	<b>150</b>		<b>2.620.370.955</b>	<b>3.138.031.045</b>
Chi phí trả trước ngắn hạn	151	5.8.1	230.918.325	194.908.595
Thuế GTGT được khấu trừ	152		2.279.259.168	2.832.928.988
Thuế và các khoản khác phải thu Nhà nước	153	5.14	110.193.462	110.193.462
Giao dịch mua bán lại trái phiếu Chính phủ	154		-	-
Tài sản ngắn hạn khác	155		-	-



**BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT**

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2020

Đơn vị tính: VND

	Mã số	Thuyết minh	31/12/2020	01/01/2020
<b>TÀI SẢN DÀI HẠN</b>	<b>200</b>		<b>76.494.511.304</b>	<b>86.767.523.825</b>
<b>Các khoản phải thu dài hạn</b>	<b>210</b>		-	-
Phải thu dài hạn của khách hàng	211		-	-
Trả trước cho người bán dài hạn	212		-	-
Vốn kinh doanh ở đơn vị trực thuộc	213		-	-
Phải thu nội bộ dài hạn	214		-	-
Phải thu về cho vay dài hạn	215		-	-
Phải thu dài hạn khác	216		-	-
Dự phòng phải thu dài hạn khó đòi	219		-	-
<b>Tài sản cố định</b>	<b>220</b>		<b>57.085.226.838</b>	<b>67.763.834.961</b>
Tài sản cố định hữu hình	221		56.855.226.838	67.533.834.952
Nguyên giá	222	5.9	201.584.932.254	192.362.778.309
Giá trị hao mòn lũy kế	223		(144.729.705.416)	(124.828.943.357)
Tài sản cố định thuê tài chính	224		-	-
Nguyên giá	225		-	-
Giá trị hao mòn lũy kế	226		-	-
Tài sản cố định vô hình	227		230.000.000	230.000.009
Nguyên giá	228	5.10	354.500.000	354.500.000
Giá trị hao mòn lũy kế	229		(124.500.000)	(124.499.991)
<b>Bất động sản đầu tư</b>	<b>230</b>		-	-
Nguyên giá	231		-	-
Giá trị hao mòn lũy kế	232		-	-
<b>Tài sản dở dang dài hạn</b>	<b>240</b>		<b>17.462.183.236</b>	<b>17.800.297.503</b>
Chi phí sản xuất, KD dở dang dài hạn	241		-	-
Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	242	5.11	17.462.183.236	17.800.297.503
<b>Đầu tư tài chính dài hạn</b>	<b>250</b>		-	-
Đầu tư vào công ty con	251		-	-
Đầu tư vào công ty liên doanh, liên kết	252		-	-
Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	253		-	-
Dự phòng đầu tư tài chính dài hạn	254		-	-
Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	255		-	-
<b>Tài sản dài hạn khác</b>	<b>260</b>		<b>1.947.101.230</b>	<b>1.203.391.361</b>
Chi phí trả trước dài hạn	261	5.8.2	1.947.101.230	1.203.391.361
Tài sản thuê thu nhập hoãn lại	262		-	-
Thiết bị, vật tư, phụ tùng thay thế dài hạn	263		-	-
Tài sản dài hạn khác	268		-	-
Lợi thế thương mại	269		-	-
<b>TỔNG CỘNG TÀI SẢN</b>	<b>270</b>		<b>393.763.848.739</b>	<b>316.772.336.973</b>

5-01  
TY  
HỮU  
HẠN  
CÔNG  
ANH  
HƯ  
P.C

**BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT**

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2020

Đơn vị tính: VND

	Mã số	Thuyết minh	31/12/2020	01/01/2020
<b>NGUỒN VỐN</b>				
<b>NỢ PHẢI TRẢ</b>	<b>300</b>		<b>119.052.503.255</b>	<b>92.697.838.724</b>
<b>Nợ ngắn hạn</b>	<b>310</b>		<b>119.052.503.255</b>	<b>92.697.838.724</b>
Phải trả người bán ngắn hạn	311	5.12	16.683.060.208	13.429.508.639
Người mua trả tiền trước ngắn hạn	312	5.13	6.054.384.456	6.112.975.877
Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	313	5.14	3.493.901.014	7.263.041.264
Phải trả người lao động	314		12.726.354.404	9.876.198.324
Chi phí phải trả ngắn hạn	315		245.848.789	-
Phải trả nội bộ ngắn hạn	316		-	-
Phải trả theo tiến độ kế hoạch hợp đồng xây dựng	317		-	-
Doanh thu chưa thực hiện ngắn hạn	318		-	-
Phải trả ngắn hạn khác	319	5.15	31.891.879.336	19.276.396.592
Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn	320	5.16	42.032.595.070	31.955.498.050
Dự phòng phải trả ngắn hạn	321		-	-
Quỹ khen thưởng, phúc lợi	322	5.17	5.924.479.978	4.784.219.978
Quỹ bình ổn giá	323		-	-
Giao dịch mua bán lại trái phiếu Chính phủ	324		-	-
<b>Nợ dài hạn</b>	<b>330</b>		<b>-</b>	<b>-</b>
Phải trả người bán dài hạn	331		-	-
Người mua trả tiền trước dài hạn	332		-	-
Chi phí phải trả dài hạn	333		-	-
Phải trả nội bộ về vốn kinh doanh	334		-	-
Phải trả nội bộ dài hạn	335		-	-
Doanh thu chưa thực hiện dài hạn	336		-	-
Phải trả dài hạn khác	337		-	-
Vay và nợ thuê tài chính dài hạn	338		-	-
Trái phiếu chuyển đổi	339		-	-
Cổ phiếu ưu đãi	340		-	-
Thuế thu nhập hoãn lại phải trả	341		-	-
Dự phòng phải trả dài hạn	342		-	-
Quỹ phát triển khoa học và công nghệ	343		-	-

**BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT**

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2020

Đơn vị tính: VND

	Mã số	Thuyết minh	31/12/2020	01/01/2020
<b>NGUỒN VỐN</b>				
<b>VỐN CHỦ SỞ HỮU</b>	<b>400</b>		<b>274.711.345.484</b>	<b>224.074.498.249</b>
<b>Vốn chủ sở hữu</b>	<b>410</b>	5.18	<b>274.711.345.484</b>	<b>224.074.498.249</b>
Vốn góp của chủ sở hữu	411		210.837.250.000	183.337.360.000
- Cổ phiếu phổ thông có quyền biểu quyết	411a		210.837.250.000	183.337.360.000
- Cổ phiếu ưu đãi	411b		-	-
Thặng dư vốn cổ phần	412		-	-
Quyền chọn chuyển đổi trái phiếu	413		-	-
Vốn khác của chủ sở hữu	414		-	-
Cổ phiếu quỹ	415		-	-
Chênh lệch đánh giá lại tài sản	416		-	-
Chênh lệch tỷ giá hối đoái	417		-	-
Quỹ đầu tư phát triển	418		8.302.422.268	1.402.422.268
Quỹ hỗ trợ sắp xếp doanh nghiệp	419		-	-
Quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu	420		1.680.130.939	1.680.130.939
Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	421		53.891.542.277	37.654.585.042
- LNST chưa phân phối lũy kế đến cuối kỳ trước	421a		1.704.695.042	982.695.509
- LNST chưa phân phối kỳ này	421b		52.186.847.235	36.671.889.533
Nguồn vốn đầu tư XDCB	422		-	-
Lợi ích cổ đông không kiểm soát	429		-	-
<b>Nguồn kinh phí và quỹ khác</b>	<b>430</b>		<b>-</b>	<b>-</b>
Nguồn kinh phí	431		-	-
Nguồn kinh phí đã hình thành TSCĐ	432		-	-
<b>TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN</b>	<b>440</b>		<b>393.763.848.739</b>	<b>316.772.336.973</b>



**PHAN THỊ TUYẾT SƯƠNG**  
Người lập biểu

**TRẦN VĂN THIỀU**  
Kế toán trưởng

**PHẠM THANH BÌNH**  
Tổng Giám đốc

Đồng Tháp, ngày 15 tháng 03 năm 2021

**BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH HỢP NHẤT**


Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020

Đơn vị tính: VND

	Mã số	Thuyết minh	2020	2019
<b>Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ</b>	<b>01</b>	6.1.1	<b>600.148.438.421</b>	<b>538.990.953.014</b>
Các khoản giảm trừ doanh thu	02	6.1.2	8.506.460.247	8.575.714.620
<b>Doanh thu thuần</b>	<b>10</b>		<b>591.641.978.174</b>	<b>530.415.238.394</b>
<b>Giá vốn hàng bán</b>	<b>11</b>	6.2	<b>418.653.081.021</b>	<b>385.680.287.669</b>
<b>Lợi nhuận gộp</b>	<b>20</b>		<b>172.988.897.153</b>	<b>144.734.950.725</b>
Doanh thu hoạt động tài chính	21	6.3	7.597.320.832	3.272.342.433
Chi phí tài chính	22	6.4	1.497.028.712	2.189.055.440
<i>Trong đó: chi phí lãi vay</i>	23		832.132.250	1.497.040.263
Lãi hoặc (lỗ) trong công ty liên doanh, liên kết	24		-	-
Chi phí bán hàng	25	6.5	39.646.950.178	38.072.845.201
Chi phí quản lý doanh nghiệp	26	6.6	23.636.325.752	22.651.754.436
<b>Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh</b>	<b>30</b>		<b>115.805.913.343</b>	<b>85.093.638.081</b>
Thu nhập khác	31	6.7	1.862.189.549	1.290.072.073
Chi phí khác	32	6.8	1.146.281.326	4.088.495.448
<b>Lợi nhuận khác</b>	<b>40</b>		<b>715.908.223</b>	<b>(2.798.423.375)</b>
<b>Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế</b>	<b>50</b>		<b>116.521.821.566</b>	<b>82.295.214.706</b>
Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành	51	5.14	23.542.518.831	17.406.721.173
Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại	52		-	-
<b>Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp</b>	<b>60</b>		<b>92.979.302.735</b>	<b>64.888.493.533</b>
Lợi nhuận sau thuế của công ty mẹ	61		92.979.302.735	64.888.493.533
Lợi nhuận sau thuế của cổ đông không kiểm soát	62		-	-
Lãi cơ bản trên cổ phiếu	70	6.10	4.830	3.455

  
PHAN THỊ TUYẾT SƯƠNG  
Người lập biểu

  
TRẦN VĂN THIỆU  
Kế toán trưởng

  
PHẠM THANH BÌNH  
Tổng Giám đốc  
Đồng Tháp, ngày 15 tháng 03 năm 2021

**BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ HỢP NHẤT (theo phương pháp gián tiếp)**

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020

Đơn vị tính: VND

	Mã số	Thuyết minh	2020	2019
<b>LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ TỪ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH</b>				
<b>Lợi nhuận trước thuế</b>	<b>01</b>		<b>116.521.821.566</b>	<b>82.295.214.706</b>
<b>Điều chỉnh cho các khoản</b>				
Khấu hao tài sản cố định và bất động sản đầu tư	02		19.900.762.068	20.223.759.011
Các khoản dự phòng/ (hoàn nhập)	03		104.082.932	882.393.853
Lãi, lỗ chênh lệch tỷ giá hối đoái do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ	04		(499.063.853)	(354.220.203)
Lãi, lỗ từ hoạt động đầu tư	05		(5.897.355.753)	(2.018.910.692)
Chi phí lãi vay	06		832.132.250	1.497.040.263
Các khoản điều chỉnh khác	07		-	-
<b>Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh trước thay đổi vốn lưu động</b>	<b>08</b>		<b>130.962.379.210</b>	<b>102.525.276.938</b>
Tăng, giảm các khoản phải thu	09		(985.408.879)	5.030.950.813
Tăng, giảm hàng tồn kho	10		(21.215.114.427)	7.528.369.909
Tăng, giảm các khoản phải trả (không kể lãi vay phải trả, thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp)	11		(10.513.855.422)	4.498.630.366
Tăng, giảm chi phí trả trước	12		(779.719.599)	719.855.492
Tăng, giảm chứng khoán kinh doanh	13		-	-
Tiền lãi vay đã trả	14		(832.132.250)	(1.497.040.263)
Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp	15		(27.959.766.710)	(13.349.165.029)
Tiền thu khác từ hoạt động kinh doanh	16		1.555.960.000	-
Tiền chi khác từ hoạt động kinh doanh	17		(415.700.000)	(324.700.000)
<b>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh</b>	<b>20</b>		<b>69.816.641.923</b>	<b>105.132.178.226</b>
<b>LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ TỪ HOẠT ĐỘNG ĐẦU TƯ</b>				
Tiền chi mua sắm, XD TSCĐ và các TSDH khác	21		(8.884.039.678)	(17.751.973.980)
Tiền thu thanh lý, nhượng bán TSCĐ và TSDH khác	22		-	-
Tiền chi cho vay, mua công cụ nợ của đơn vị khác	23		(128.450.000.000)	(37.889.246.575)
Tiền thu hồi cho vay, bán lại công cụ nợ của ĐV khác	24		58.389.246.575	14.250.000.000
Tiền chi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	25		-	-
Tiền thu hồi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	26		-	-
Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia	27		4.019.759.936	2.018.910.692
<b>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư</b>	<b>30</b>		<b>(74.925.033.167)</b>	<b>(39.372.309.863)</b>

CÔNG TY CỔ PHẦN THỰC PHẨM BÍCH CHÌ  
 45X1 Nguyễn Sinh Sắc, phường 2, TP Sa Đéc, tỉnh Đồng Tháp

**BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ HỢP NHẤT (theo phương pháp gián tiếp)**

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020

Đơn vị tính: VND

	Mã số	Thuyết minh	2020	2019
<b>LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH</b>				
Tiền thu từ phát hành cổ phiếu, nhận vốn góp của chủ sở hữu	31		-	-
Tiền trả lại vốn góp cho các chủ sở hữu, mua lại cổ phiếu của doanh nghiệp đã phát hành	32		-	-
Tiền thu từ đi vay	33	7.2	91.865.115.934	126.528.073.236
Tiền trả nợ gốc vay	34	7.3	(81.829.177.473)	(145.118.105.501)
Tiền trả nợ gốc thuê tài chính	35		-	-
Cổ tức, lợi nhuận đã trả cho chủ sở hữu	36		(9.166.868.000)	(18.222.388.625)
<b>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính</b>	<b>40</b>		<b>869.070.461</b>	<b>(36.812.420.890)</b>
<b>Lưu chuyển tiền thuần trong năm</b>	<b>50</b>		<b>(4.239.320.783)</b>	<b>28.947.447.473</b>
<b>Tiền và tương đương tiền đầu năm</b>	<b>60</b>		<b>57.438.506.394</b>	<b>28.040.553.682</b>
Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái quy đổi ngoại tệ	61		652.956.694	450.505.239
<b>Tiền và tương đương tiền cuối năm</b>	<b>70</b>	5.1	<b>53.852.142.305</b>	<b>57.438.506.394</b>

**PHAN THỊ TUYẾT SƯƠNG**  
 Người lập biểu

**TRẦN VĂN THIỀU**  
 Kế toán trưởng



**PHẠM THANH BÌNH**  
 Tổng Giám đốc  
 Đồng Tháp, ngày 15 tháng 03 năm 2021

CÔNG TY CỔ PHẦN THỰC PHẨM BÍCH CHI  
45X1 Nguyễn Sinh Sắc, phường 2, TP Sa Đéc, tỉnh Đồng Tháp  
**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT**  
Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020

Bản thuyết minh này là một bộ phận không thể tách rời được đọc cùng với các báo cáo tài chính đính kèm.

**1. ĐẶC ĐIỂM HOẠT ĐỘNG**

**1.1 Hình thức sở hữu vốn**

Công ty Cổ phần Thực Phẩm Bích Chi là công ty cổ phần.

**1.2 Lĩnh vực kinh doanh**

Lĩnh vực kinh doanh của Tập đoàn là sản xuất, thương mại.

**1.3 Ngành nghề kinh doanh**

Hoạt động kinh doanh chính của Tập đoàn là:

- Sản xuất chế biến lương thực thực phẩm;
- Kinh doanh xuất nhập khẩu các loại thực phẩm, đường, sữa, các sản phẩm sữa, bánh kẹo và các sản phẩm chế biến từ gạo, ngũ cốc, bột, tinh bột;

**1.4 Chu kỳ sản xuất, kinh doanh thông thường**

Chu kỳ sản xuất, kinh doanh thông thường của Tập đoàn không quá 12 tháng.

**1.5 Cấu trúc Tập đoàn**

Tập đoàn bao gồm Công ty mẹ và 01 công ty con chịu sự kiểm soát của Công ty mẹ.

**1.5.1 Thông tin về cấu trúc tập đoàn**

Công ty con

Công ty Cổ phần Thực Phẩm Bích Chi ("BFC") sở hữu 100% vốn chủ sở hữu trong Công ty TNHH Thực Phẩm Bích Chi 2 ("BFC2") là Công ty TNHH MTV được thành lập theo luật doanh nghiệp theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số 1402062488 do Sở kế hoạch và đầu tư tỉnh Đồng Tháp cấp ngày 22 tháng 02 năm 2017. BFC2 có trụ sở đặt tại cụm Công nghiệp Tàu Cái Hạ - An Nhơn, thị trấn Tàu Cái Hạ, huyện Châu Thành, tỉnh Đồng Tháp.

**1.5.2 Danh sách Công ty con được hợp nhất**

Tên Công ty	Địa chỉ	Hoạt động kinh doanh chính
Công ty TNHH Thực Phẩm Bích Chi 2 ("BFC2")	Cụm Công nghiệp Cái Tàu Hạ - An Nhơn, Thị trấn Cái Tàu Hạ, huyện Châu Thành, tỉnh Đồng Tháp	Sản xuất chế biến lương thực thực phẩm

**1.5.3 Các đơn vị trực thuộc không có tư cách pháp nhân hạch toán phụ thuộc**

Tên đơn vị	Địa chỉ
Kho - Công ty Cổ phần Thực phẩm Bích Chi	Số 81-83-85-87. Đường số 2, KDC Tân Nhựt, Xã Tân Nhựt, Huyện Bình Chánh, TP.HCM. (KDC Amazing City)



## **THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT**

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020

---

### **1.6 Tuyên bố về khả năng so sánh thông tin trên Báo cáo tài chính**

Các số liệu trên báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020 so sánh được với số liệu tương ứng của năm trước.

### **1.7 Nhân viên**

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2020, tổng số nhân viên của Tập đoàn là 895 người.

## **2. NĂM TÀI CHÍNH, ĐƠN VỊ TIỀN TỆ SỬ DỤNG TRONG KẾ TOÁN**

### **2.1 Năm tài chính**

Năm tài chính của Tập đoàn bắt đầu từ ngày 01 tháng 01 và kết thúc vào ngày 31 tháng 12 hàng năm.

### **2.2 Đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán**

Đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán là Đồng Việt Nam (VND) do việc thu, chi chủ yếu được thực hiện bằng đơn vị tiền tệ VND.

## **3. CHUẨN MỰC VÀ CHẾ ĐỘ KẾ TOÁN ÁP DỤNG**

### **3.1 Chuẩn mực và chế độ kế toán áp dụng**

Tập đoàn áp dụng Chế độ kế toán doanh nghiệp.

Tập đoàn áp dụng các chuẩn mực kế toán, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam được hướng dẫn tại Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014, Thông tư số 202/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014 hướng dẫn phương pháp lập và trình bày báo cáo tài chính hợp nhất và các Thông tư hướng dẫn thực hiện Chuẩn mực kế toán của Bộ tài chính trong việc lập và trình bày Báo cáo tài chính hợp nhất.

### **3.2 Tuyên bố về việc tuân thủ Chuẩn mực kế toán và Chế độ kế toán**

Ban Tổng Giám đốc đảm bảo đã tuân thủ yêu cầu của các chuẩn mực kế toán, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam được hướng dẫn tại Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014, Thông tư số 202/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014 hướng dẫn phương pháp lập và trình bày báo cáo tài chính hợp nhất và các Thông tư hướng dẫn thực hiện Chuẩn mực kế toán của Bộ tài chính trong việc lập và trình bày Báo cáo tài chính hợp nhất.

## **4. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG**

### **4.1 Cơ sở lập báo cáo tài chính hợp nhất**

Các công ty con được hợp nhất toàn bộ kể từ ngày mua, là ngày Tập đoàn nắm quyền kiểm soát công ty con, và tiếp tục được hợp nhất cho đến ngày Tập đoàn chấm dứt quyền kiểm soát đối với công ty con

Báo cáo tài chính của Công ty và các công ty con sử dụng để hợp nhất được lập cho cùng một năm tài chính và được áp dụng các chính sách kế toán một cách thống nhất.

Số dư các tài khoản trên bảng cân đối kế toán hợp nhất giữa các đơn vị trong cùng Tập đoàn, các khoản thu nhập và chi phí, các khoản lãi hoặc lỗ nội bộ chưa thực hiện phát sinh từ các giao dịch này được loại trừ hoàn toàn.

#### **Lợi ích cổ đông không kiểm soát**

Lợi ích của các cổ đông không kiểm soát là phần lợi ích trong lãi, hoặc lỗ, và trong tài sản thuần của công ty con không được nắm giữ bởi Tập đoàn và được trình bày riêng biệt trên báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất năm và được trình bày riêng biệt với phần vốn chủ sở hữu của các cổ đông của Tập đoàn trong phần vốn chủ sở hữu trên bảng cân đối kế toán hợp nhất.



## THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020

Báo cáo tài chính được lập trên cơ sở kế toán dồn tích (trừ các thông tin liên quan đến các luồng tiền).

### 4.2 Các giao dịch bằng ngoại tệ

Các giao dịch phát sinh bằng ngoại tệ được chuyển đổi theo tỷ giá tại ngày phát sinh giao dịch. Số dư các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ tại ngày kết thúc năm tài chính được qui đổi theo tỷ giá tại ngày này.

Chênh lệch tỷ giá phát sinh trong kỳ từ các giao dịch bằng ngoại tệ được ghi nhận vào doanh thu hoạt động tài chính hoặc chi phí tài chính. Chênh lệch tỷ giá do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ tại ngày kết thúc kỳ tài chính sau khi bù trừ chênh lệch tăng và chênh lệch giảm được ghi nhận vào doanh thu hoạt động tài chính hoặc chi phí tài chính.

Tỷ giá sử dụng để qui đổi các giao dịch phát sinh bằng ngoại tệ là tỷ giá giao dịch thực tế tại thời điểm phát sinh giao dịch. Tỷ giá giao dịch thực tế đối với các giao dịch bằng ngoại tệ được xác định như sau:

- Tỷ giá giao dịch thực tế khi mua bán ngoại tệ (hợp đồng mua bán ngoại tệ giao ngay, hợp đồng kỳ hạn, hợp đồng tương lai, hợp đồng quyền chọn, hợp đồng hoán đổi): tỷ giá ký kết trong hợp đồng mua, bán ngoại tệ giữa Công ty và ngân hàng.
- Nếu hợp đồng không qui định tỷ giá thanh toán:
  - + Đối với nợ phải thu: tỷ giá mua của ngân hàng thương mại nơi Tập đoàn chỉ định khách hàng thanh toán tại thời điểm giao dịch phát sinh.
  - + Đối với nợ phải trả: tỷ giá bán của ngân hàng thương mại nơi Tập đoàn dự kiến giao dịch tại thời điểm giao dịch phát sinh.
  - + Đối với các giao dịch mua sắm tài sản hoặc các khoản chi phí được thanh toán ngay bằng ngoại tệ (không qua các tài khoản phải trả): Tỷ giá mua của ngân hàng thương mại nơi Tập đoàn thực hiện thanh toán.

Tỷ giá sử dụng để đánh giá lại số dư các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ vào ngày kết thúc kỳ tài chính được xác định theo nguyên tắc sau:

- Đối với các khoản ngoại tệ gửi ngân hàng: tỷ giá mua ngoại tệ của ngân hàng nơi Tập đoàn mở tài khoản ngoại tệ.
- Đối với các khoản ngoại tệ vay ngân hàng: tỷ giá bán ngoại tệ của ngân hàng nơi Tập đoàn mở tài khoản ngoại tệ.
- Đối với các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ được phân loại là tài sản khác: tỷ giá mua ngoại tệ của Ngân hàng Thương mại Cổ phần Ngoại thương Việt Nam - Chi nhánh Đồng Tháp (Ngân hàng Tập đoàn thường xuyên có giao dịch).
- Đối với các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ được phân loại là nợ phải trả: tỷ giá bán ngoại tệ của Ngân hàng Tập đoàn thường xuyên có giao dịch.

### 4.3 Tiền và các khoản tương đương tiền

Tiền bao gồm tiền mặt, tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn và tiền đang chuyển. Các khoản tương đương tiền là các khoản đầu tư ngắn hạn có thời hạn thu hồi không quá 3 tháng kể từ ngày đầu tư, có khả năng chuyển đổi dễ dàng thành một lượng tiền xác định và không có rủi ro trong việc chuyển đổi thành tiền tại thời điểm báo cáo.

## **THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT**

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020

### **4.4 Các khoản đầu tư tài chính**

#### **Công ty con**

Công ty con là doanh nghiệp chịu sự kiểm soát của Công ty. Việc kiểm soát đạt được khi Công ty có khả năng kiểm soát các chính sách tài chính và hoạt động của doanh nghiệp nhận đầu tư nhằm thu được lợi ích kinh tế từ các hoạt động của doanh nghiệp đó.

Các khoản đầu tư vào công ty con được ghi nhận ban đầu theo giá gốc, bao gồm giá mua hoặc khoản góp vốn cộng các chi phí liên quan trực tiếp đến việc đầu tư. Trường hợp đầu tư bằng tài sản phi tiền tệ, giá phí khoản đầu tư được ghi nhận theo giá trị hợp lý của tài sản phi tiền tệ tại thời điểm phát sinh.

Cổ tức và lợi nhuận của các kỳ trước khi khoản đầu tư được mua được hạch toán giảm giá trị của chính khoản đầu tư đó. Cổ tức và lợi nhuận của các kỳ sau khi khoản đầu tư được mua được ghi nhận doanh thu tài chính. Cổ tức được nhận bằng cổ phiếu chỉ được theo dõi số lượng cổ phiếu tăng thêm, không ghi nhận giá trị cổ phiếu nhận được theo mệnh giá.

Dự phòng tổn thất cho các khoản đầu tư vào công ty con được trích lập khi công ty con bị lỗ với mức trích lập bằng chênh lệch giữa vốn góp thực tế của các bên tại công ty con và vốn chủ sở hữu thực có nhân với tỷ lệ góp vốn của Công ty so với tổng số vốn góp thực tế của các bên tại công ty con.

Tăng, giảm số dự phòng tổn thất đầu tư vào công ty con, liên kết cần phải trích lập tại ngày kết thúc năm tài chính và được ghi nhận vào chi phí tài chính.

### **4.5 Các khoản phải thu**

Các khoản nợ phải thu được trình bày theo giá trị ghi sổ trừ đi các khoản dự phòng phải thu khó đòi. Việc phân loại các khoản phải thu là phải thu khách hàng và phải thu khác được thực hiện theo nguyên tắc sau:

- Phải thu của khách hàng phản ánh các khoản phải thu mang tính chất thương mại phát sinh từ giao dịch có tính chất mua – bán giữa Tập đoàn và người mua là đơn vị độc lập với Tập đoàn.
- Phải thu khác phản ánh các khoản phải thu không có tính thương mại, không liên quan đến giao dịch mua – bán.

Dự phòng nợ phải thu khó đòi thể hiện phần giá trị dự kiến bị tổn thất do các khoản phải thu không được khách hàng thanh toán phát sinh đối với số dư các khoản phải thu tại thời điểm lập Bảng cân đối kế toán.

- 30% giá trị đối với khoản nợ phải thu quá hạn từ trên 06 tháng đến dưới 01 năm.
- 50% giá trị đối với khoản nợ phải thu quá hạn từ 01 đến dưới 02 năm.
- 70% giá trị đối với khoản nợ phải thu quá hạn từ 02 năm đến dưới 03 năm.
- 100% giá trị đối với khoản nợ phải thu quá hạn từ 03 năm trở lên.

Đối với nợ phải thu chưa quá hạn thanh toán nhưng khó có khả năng thu hồi: căn cứ vào dự kiến mức tổn thất để lập dự phòng.

Tăng, giảm số dự phòng nợ phải thu khó đòi cần phải trích lập tại ngày kết thúc năm tài chính được ghi nhận vào chi phí quản lý doanh nghiệp.

#### 4.6 Hàng tồn kho

Hàng tồn kho được ghi nhận theo giá gốc thấp hơn giá trị thuần có thể thực hiện được.

Giá gốc hàng tồn kho được xác định như sau:

- Nguyên vật liệu, hàng hóa: bao gồm chi phí mua và các chi phí liên quan trực tiếp khác phát sinh để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái hiện tại.
- Thành phẩm: bao gồm chi phí nguyên vật liệu, nhân công trực tiếp và chi phí sản xuất chung có liên quan trực tiếp được phân bổ dựa trên mức độ hoạt động bình thường.
- Chi phí sản xuất kinh doanh dở dang: bao gồm chi phí nguyên vật liệu chính, chi phí nhân công trực tiếp và chi phí sản xuất chung có liên quan trực tiếp đến quá trình sản xuất sản phẩm.

Giá trị thuần có thể thực hiện được là giá bán ước tính của hàng tồn kho trong kỳ sản xuất, kinh doanh bình thường trừ chi phí ước tính để hoàn thành và chi phí ước tính cần thiết cho việc tiêu thụ chúng.

Giá trị hàng tồn kho được tính theo phương pháp bình quân gia quyền và được hạch toán theo phương pháp kê khai thường xuyên.

Dự phòng giảm giá hàng tồn kho được lập cho từng mặt hàng tồn kho có giá gốc lớn hơn giá trị thuần có thể thực hiện được. Đối với dịch vụ cung cấp dở dang, việc lập dự phòng giảm giá được tính theo từng loại dịch vụ có mức giá riêng biệt. Tăng, giảm số dư dự phòng giảm giá hàng tồn kho cần phải trích lập tại ngày kết thúc năm tài chính được ghi nhận vào giá vốn hàng bán.

#### 4.7 Chi phí trả trước

Chi phí trả trước bao gồm các chi phí thực tế đã phát sinh nhưng có liên quan đến kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh của nhiều kỳ kế toán. Chi phí trả trước của Công ty chủ yếu gồm chi phí sau:

##### **Công cụ, dụng cụ**

Các công cụ, dụng cụ đã đưa vào sử dụng được phân bổ vào chi phí theo phương pháp đường thẳng với thời gian phân bổ không quá 3 năm.

#### 4.8 Tài sản cố định hữu hình

Tài sản cố định hữu hình được thể hiện theo nguyên giá trừ hao mòn lũy kế. Nguyên giá tài sản cố định hữu hình bao gồm toàn bộ các chi phí mà Công ty phải bỏ ra để có được tài sản cố định tính đến thời điểm đưa tài sản đó vào trạng thái sẵn sàng sử dụng. Các chi phí phát sinh sau ghi nhận ban đầu chỉ được ghi tăng nguyên giá tài sản cố định nếu các chi phí này chắc chắn làm tăng lợi ích kinh tế trong tương lai do sử dụng tài sản đó. Các chi phí phát sinh không thỏa mãn điều kiện trên được ghi nhận là chi phí sản xuất, kinh doanh trong năm.

Khi tài sản cố định hữu hình được bán hay thanh lý, nguyên giá và giá trị hao mòn lũy kế được xóa sổ và lãi, lỗ phát sinh do thanh lý được ghi nhận vào thu nhập hay chi phí trong năm. Tài sản cố định hữu hình được khấu hao theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính.

Thời gian khấu hao của các loại tài sản cố định hữu hình như sau:

	Thời gian (năm)
Nhà cửa, vật kiến trúc	04 - 30
Máy móc thiết bị	03 - 10
Phương tiện vận tải, thiết bị truyền dẫn	04 - 10
Thiết bị, dụng cụ quản lý	05

#### **4.9 Tài sản cố định vô hình**

Tài sản cố định vô hình được thể hiện theo nguyên giá trừ hao mòn lũy kế.

Nguyên giá tài sản cố định vô hình bao gồm toàn bộ các chi phí mà Công ty phải bỏ ra để có được tài sản cố định tính đến thời điểm đưa tài sản đó vào trạng thái sẵn sàng sử dụng. Chi phí liên quan đến tài sản cố định vô hình phát sinh sau khi ghi nhận ban đầu được ghi nhận là chi phí sản xuất, kinh doanh trong kỳ trừ khi các chi phí này gắn liền với một tài sản cố định vô hình cụ thể và làm tăng lợi ích kinh tế từ các tài sản này.

Khi tài sản cố định hữu hình được bán hay thanh lý, nguyên giá và giá trị hao mòn lũy kế được xóa sổ và lãi, lỗ phát sinh do thanh lý được ghi nhận vào thu nhập hay chi phí trong năm.

Tài sản cố định vô hình của Công ty bao gồm:

##### ***Quyền sử dụng đất***

Quyền sử dụng đất là toàn bộ các chi phí thực tế Công ty đã chi ra có liên quan trực tiếp tới đất sử dụng, bao gồm: tiền chi ra để có quyền sử dụng đất, chi phí cho đền bù, giải phóng mặt bằng, san lấp mặt bằng, lệ phí trước bạ,....

Quyền sử dụng đất của Công ty là quyền sử dụng đất không thời hạn không được tính khấu hao.

##### ***Chương trình phần mềm***

Chi phí liên quan đến các chương trình phần mềm máy tính không phải là một bộ phận gắn kết với phần cứng có liên quan được vốn hoá. Nguyên giá của phần mềm máy tính là toàn bộ các chi phí mà Công ty đã chi ra tính đến thời điểm đưa phần mềm vào sử dụng. Phần mềm máy tính được khấu hao theo phương pháp đường thẳng trong 03 năm.

#### **4.10 Chi phí xây dựng cơ bản dở dang**

Chi phí xây dựng cơ bản dở dang phản ánh các chi phí liên quan trực tiếp (bao gồm cả chi phí lãi vay có liên quan phù hợp với chính sách kế toán của Công ty) đến các tài sản đang trong quá trình xây dựng, máy móc thiết bị đang lắp đặt để phục vụ cho mục đích sản xuất, cho thuê và quản lý cũng như chi phí liên quan đến việc sửa chữa tài sản cố định đang thực hiện. Các tài sản này được ghi nhận theo giá gốc và không được tính khấu hao.

#### **4.11 Các khoản nợ phải trả**

Các khoản nợ phải trả được ghi nhận cho số tiền phải trả trong tương lai liên quan đến hàng hóa và dịch vụ đã nhận được.

Việc phân loại các khoản phải trả là phải trả người bán và phải trả khác được thực hiện theo nguyên tắc sau:

- Phải trả người bán phản ánh các khoản phải trả mang tính chất thương mại phát sinh từ giao dịch mua hàng hóa, dịch vụ, tài sản và người bán là đơn vị độc lập với Công ty, bao gồm cả các khoản phải trả khi nhập khẩu thông qua người nhận ủy thác.
- Phải trả khác phản ánh các khoản phải trả không có tính thương mại, không liên quan đến giao dịch mua, bán, cung cấp hàng hóa dịch vụ.

#### **4.12 Vốn chủ sở hữu**

##### ***Vốn góp của chủ sở hữu***

Vốn góp của chủ sở hữu được ghi nhận theo số vốn thực tế đã góp của các cổ đông.



#### 4.13 Phân phối lợi nhuận

Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp được phân phối cho các cổ đông sau khi đã trích lập các quỹ theo Điều lệ của Công ty cũng như các qui định của pháp luật và đã được Đại hội đồng cổ đông phê duyệt.

Việc phân phối lợi nhuận cho các cổ đông được cân nhắc đến các khoản mục phi tiền tệ nằm trong lợi nhuận sau thuế chưa phân phối có thể ảnh hưởng đến luồng tiền và khả năng chi trả cổ tức như lãi do đánh giá lại tài sản mang đi góp vốn, lãi do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ, các công cụ tài chính và các khoản mục phi tiền tệ khác.

Phân phối lợi nhuận được ghi nhận là nợ phải trả khi được Đại hội đồng cổ đông phê duyệt.

#### 4.14 Ghi nhận doanh thu và thu nhập

##### *Doanh thu bán hàng hoá*

Doanh thu bán hàng hóa được ghi nhận khi đồng thời thỏa mãn các điều kiện sau:

- Công ty đã chuyển giao phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu sản phẩm hoặc hàng hóa cho người mua.
- Công ty không còn nắm giữ quyền quản lý hàng hóa như người sở hữu hàng hóa hoặc quyền kiểm soát hàng hóa.
- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn.
- Công ty đã thu được hoặc sẽ thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch bán hàng.
- Xác định được chi phí liên quan đến giao dịch bán hàng.

##### *Doanh thu cung cấp dịch vụ*

Doanh thu của giao dịch cung cấp dịch vụ được ghi nhận khi kết quả của giao dịch đó được xác định một cách đáng tin cậy. Trường hợp dịch vụ được thực hiện trong nhiều kỳ thì doanh thu được ghi nhận trong năm được căn cứ vào kết quả phần công việc đã hoàn thành vào ngày kết thúc năm tài chính. Kết quả của giao dịch cung cấp dịch vụ được xác định khi thỏa mãn tất cả các điều kiện sau:

- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn.
- Có khả năng thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch cung cấp dịch vụ đó.
- Xác định được phần công việc đã hoàn thành vào ngày kết thúc năm tài chính.
- Xác định được chi phí phát sinh cho giao dịch và chi phí để hoàn thành giao dịch cung cấp dịch vụ đó.

##### *Tiền lãi*

Tiền lãi được ghi nhận trên cơ sở dồn tích, được xác định trên số dư các tài khoản tiền gửi và lãi suất thực tế từng thời kỳ.

#### 4.15 Chi phí đi vay

Chi phí đi vay bao gồm lãi tiền vay và các chi phí khác phát sinh liên quan trực tiếp đến các khoản vay.

Chi phí đi vay được ghi nhận vào chi phí khi phát sinh.

#### 4.16 Thuế thu nhập doanh nghiệp

Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp trong năm là thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành.



## **THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT**

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020

### ***Thuế thu nhập hiện hành***

Thuế thu nhập hiện hành là khoản thuế được tính dựa trên thu nhập tính thuế. Thu nhập tính thuế chênh lệch so với lợi nhuận kế toán là do điều chỉnh các chi phí không được trừ cũng như điều chỉnh các khoản thu nhập không phải chịu thuế và các khoản lỗ được chuyển.

Các báo cáo thuế của Công ty sẽ được kiểm tra bởi cơ quan thuế. Do sự áp dụng của luật thuế cho từng loại nghiệp vụ và việc giải thích, hiểu cũng như chấp thuận theo nhiều cách khác nhau nên số liệu của báo cáo tài chính có thể sẽ khác với số liệu của cơ quan thuế.

Trong năm, Tập đoàn áp dụng mức thuế suất thuế TNDN là 20%.

### **4.17 Bên liên quan**

Các bên được coi là liên quan nếu một bên có khả năng kiểm soát hoặc có ảnh hưởng đáng kể đối với bên kia trong việc ra quyết định các chính sách tài chính và hoạt động. Các bên cũng được xem là bên liên quan nếu cùng chịu sự kiểm soát chung hay chịu ảnh hưởng đáng kể chung.

Trong việc xem xét các mối quan hệ của các bên liên quan, bản chất của các mối quan hệ được chú trọng nhiều hơn hình thức pháp lý.

Các đối tượng sau đây được xem là các bên có liên quan:

<b>Tên đối tượng</b>	<b>Quan hệ</b>
----------------------	----------------

Thành viên Hội đồng Quản trị, Ban Tổng Giám đốc	Thành viên chủ chốt
---	---------------------

CÔNG TY CỔ PHẦN THỰC PHẨM BÍCH CHI  
45X1 Nguyễn Sinh Sắc, phường 2, TP Sa Đéc, tỉnh Đồng Tháp  
**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT**  
Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020

**5. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT**

**5.1 Tiền và các khoản tương đương tiền**

	31/12/2020 VND	01/01/2020 VND
Tiền mặt	349.261.590	406.648.603
Tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn	23.002.880.715	40.031.857.791
Tiền gửi ngân hàng - VND	8.016.008.416	12.495.307.148
Tiền gửi ngân hàng - USD	14.986.872.299	27.536.550.643
Các khoản tiền gửi có kỳ hạn dưới 3 tháng	30.500.000.000	17.000.000.000
	<b>53.852.142.305</b>	<b>57.438.506.394</b>

Chi tiết số dư các khoản tiền bằng ngoại tệ vào ngày 31 tháng 12 năm 2020:

	Gốc ngoại tệ	Tương đương VND
Tiền gửi ngân hàng - USD	650.613,08	14.986.872.299
		<b>14.986.872.299</b>

**5.2 Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn ngắn hạn**

	31/12/2020		01/01/2020	
	Giá gốc VND	Giá trị ghi sổ VND	Giá gốc VND	Giá trị ghi sổ VND
Tiền gửi có kỳ hạn	109.450.000.000	109.450.000.000	39.389.246.575	39.389.246.575

Số dư tiền gửi có kỳ hạn ngắn hạn tại ngày 31 tháng 12 năm 2020 là khoản tiền gửi có kỳ hạn còn lại không quá 12 tháng kể từ thời điểm báo cáo, lãi suất từ 6,0%-7,6%/năm tại Ngân hàng TMCP Sài Gòn - Chi nhánh Đồng Tháp, Ngân hàng Sài Gòn Thương Tín - Chi nhánh Đồng Tháp, Ngân hàng TNHH MTV Hong Leong Việt Nam, Ngân hàng TMCP Á Châu và Ngân hàng TMCP Công Thương.

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2020, số dư tiền gửi ngân hàng có kỳ hạn đã cầm cố, thế chấp bảo đảm các khoản vay của Công ty với giá trị tối thiểu là 2.000.000.000 VND (tại ngày 31/12/2019 là 2.000.000.000 VND).

**5.3 Phải thu ngắn hạn của khách hàng**

	Nguyên tệ USD	31/12/2020 VND	01/01/2020 VND
<b>Phải thu các khách hàng khác</b>			
Flying trade Ltd.,	134.640,00	3.101.432.400	3.723.464.712
Quinworth Resources SDN BHD	286.820,70	6.606.914.825	2.408.503.401
Liên Hiệp Hợp Tác Xã Thành phố Hồ Chí Minh		3.741.169.060	4.868.275.425
FP SP.ZO.O (De Care Group Spolka Z.O.O)	84.418,00	1.944.568.630	4.405.112.650
Các khách hàng khác	(i)	39.516.080.672	41.241.442.411
		<b>54.910.165.587</b>	<b>56.646.798.599</b>

(i) Phải thu khách hàng khác số tiền 1.142.118,90 USD tương đương với 26.308.312.862 VND và 13.207.767.810 VND

Các khoản phải thu đang dùng thế chấp cho các khoản vay tại các ngân hàng với tổng giá trị tối thiểu tại ngày 31 tháng 12 năm 2020 là 44.500.000.000 VND.

CÔNG TY CỔ PHẦN THỰC PHẨM BÍCH CHI  
 45X1 Nguyễn Sinh Sắc, phường 2, TP Sa Đéc, tỉnh Đồng Tháp  
**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT**  
 Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020

**5.4 Trả trước cho người bán ngắn hạn**

	31/12/2020 VND	01/01/2020 VND
Công ty TNHH Cơ Khí Điện Tự Động Hóa Trung Dũng	396.900.000	432.900.000
Công ty TNHH Kỹ Thuật Nồi Hơi Và Năng Lượng Việt Nam	-	387.301.200
Công ty TNHH Công Nghệ Tân Nguyễn	295.341.025	377.131.025
Công ty TNHH Tinh Bột Khoai Mì Hưng Long	242.000.000	-
Công ty Cổ phần Thép Toàn Thắng	420.000.000	-
Công ty TNHH Một Thành Viên Yên Phụng	-	627.005.000
Các nhà cung cấp khác	759.213.950	1.066.918.300
	<b>2.113.454.975</b>	<b>2.891.255.525</b>

**5.5 Phải thu ngắn hạn khác**

	31/12/2020		01/01/2020	
	Giá trị VND	Dự phòng VND	Giá trị VND	Dự phòng VND
<b>Phải thu các bên liên quan</b>				
Tạm ứng	92.000.000	-	286.483.914	-
Bảo hiểm xã hội nộp thừa	-	-	17.735.100	-
Hoàn thuế GTGT	2.469.398.999	-	1.616.569.956	-
Phải thu lãi tiền gửi có kỳ hạn	2.568.866.028	-	691.271.211	-
Phải thu ngắn hạn khác	1.481.211.066	-	1.288.218.804	-
	<b>6.611.476.093</b>	<b>-</b>	<b>3.900.278.985</b>	<b>-</b>

**5.6 Nợ xấu**

	31/12/2020		01/01/2020	
	Giá gốc VND	Giá trị có thể thu hồi VND	Giá gốc VND	Giá trị có thể thu hồi VND
<b>Các tổ chức và cá nhân khác</b>				
Khách hàng quá hạn từ 06 tháng đến 01 năm	79.924.337	55.947.036	1.146.144.461	802.301.123
Khách hàng quá hạn từ 01 đến dưới 02 năm	1.447.838.776	723.766.112	1.055.865.909	527.932.954
Khách hàng quá hạn từ 02 đến dưới 3 năm	330.053.968	99.016.190	3.157.576	947.273
Khách hàng quá hạn trên 03 năm	321.745.953	-	322.764.168	-
	<b>2.179.563.034</b>	<b>878.729.338</b>	<b>2.527.932.114</b>	<b>1.331.181.350</b>

Tình hình biến động dự phòng nợ phải thu ngắn hạn khó đòi như sau:

	Nợ phải thu ngắn hạn VND	Tổng VND
Tại ngày 01/01/2020	(1.196.750.764)	(1.196.750.764)
Số trích bổ sung trong năm	(612.557.944)	(612.557.944)
Số hoàn nhập trong năm	508.475.012	508.475.012
<b>Tại ngày 31/12/2020</b>	<b>(1.300.833.696)</b>	<b>(1.300.833.696)</b>



**5.7 Hàng tồn kho**

	31/12/2020		01/01/2020	
	Giá gốc VND	Dự phòng VND	Giá gốc VND	Dự phòng VND
Nguyên liệu, vật liệu	48.471.682.988	-	48.312.914.718	-
Chi phí sản xuất kinh doanh, dở dang	22.425.889.750	-	8.324.297.153	-
Thành phẩm	13.242.345.853	-	7.446.121.135	-
Hàng gửi đi bán	4.872.642.625	-	3.714.113.783	-
	<b>89.012.561.216</b>	<b>-</b>	<b>67.797.446.789</b>	<b>-</b>

Hàng tồn kho đang dùng thế chấp cho các khoản vay tại các ngân hàng với tổng giá trị tối thiểu tại ngày 31 tháng 12 năm 2020 là 44.500.000.000 VND.

**5.8 Chi phí trả trước ngắn hạn, dài hạn**

**5.8.1 Chi phí trả trước ngắn hạn**

	31/12/2020 VND	01/01/2020 VND
Bảo hiểm xe	107.818.325	125.550.276
Chi phí công cụ dụng cụ	96.925.000	69.358.319
Chi phí khác	26.175.000	-
	<b>230.918.325</b>	<b>194.908.595</b>

**5.8.2 Chi phí trả trước dài hạn**

	31/12/2020 VND	01/01/2020 VND
Chi phí công cụ dụng cụ	1.801.827.064	1.157.999.147
Chi phí trước hoạt động của BFC2	145.274.166	45.392.214
	<b>1.947.101.230</b>	<b>1.203.391.361</b>



CÔNG TY CỔ PHẦN THỰC PHẨM BÍCH CHÌ  
45X1 Nguyễn Sinh Sắc, phường 2, TP Sa Đéc, tỉnh Đồng Tháp  
**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT**

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020

**5.9 Tình hình tăng giảm tài sản cố định hữu hình**

	Nhà cửa, vật kiến trúc VND	Máy móc, thiết bị VND	Phương tiện vận tải VND	Thiết bị, dụng cụ quản lý VND	Cộng VND
<b>Nguyên giá</b>					
Tại ngày 01/01/2020	65.248.444.833	122.398.624.253	4.254.609.223	461.100.000	192.362.778.309
Tăng do mua sắm	-	4.098.365.000	-	-	4.098.365.000
Tăng từ đầu tư, xây dựng cơ bản	2.880.816.689	2.242.972.256	-	-	5.123.788.945
Tại ngày 31/12/2020	68.129.261.522	128.739.961.509	4.254.609.223	461.100.000	201.584.932.254
<b>Giá trị hao mòn lũy kế</b>					
Tại ngày 01/01/2020	40.367.433.109	80.846.544.168	3.401.932.740	213.033.340	124.828.943.357
Khấu hao trong năm	4.591.934.828	14.979.953.728	255.820.172	73.053.331	19.900.762.059
Tại ngày 31/12/2020	44.959.367.937	95.826.497.896	3.657.752.912	286.086.671	144.729.705.416
<b>Giá trị còn lại</b>					
Tại ngày 01/01/2020	24.881.011.724	41.552.080.085	852.676.483	248.066.660	67.533.834.952
Tại ngày 31/12/2020	23.169.893.585	32.913.463.613	596.856.311	175.013.329	56.855.226.838
Nguyên giá tài sản cố định hữu hình đã khấu hao hết nhưng vẫn còn sử dụng:					
Tại ngày 01/01/2020	13.574.368.699	27.734.163.413	2.097.256.597	61.000.000	43.466.788.709
Tại ngày 31/12/2020	16.017.907.608	42.918.584.009	2.233.620.233	165.500.000	61.335.611.850
Giá trị còn lại tài sản cố định hữu hình được thế chấp tại ngân hàng để bảo đảm cho các khoản vay:					
Tại ngày 01/01/2020	24.881.011.724	41.552.080.085	852.676.483	248.066.660	67.533.834.952
Tại ngày 31/12/2020	23.169.893.585	32.913.463.613	596.856.311	175.013.329	56.855.226.838

## THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020

### 5.10 Tình hình tăng giảm tài sản cố định vô hình

	Quyền sử dụng đất VND	Phần mềm máy tính VND	Cộng VND
<b>Nguyên giá</b>			
Tại ngày 01/01/2020	230.000.000	124.500.000	354.500.000
Mua trong năm	-	-	-
Tại ngày 31/12/2020	230.000.000	124.500.000	<b>354.500.000</b>
<b>Giá trị hao mòn lũy kế</b>			
Tại ngày 01/01/2020	-	124.499.991	124.499.991
Khấu hao trong năm	-	9	9
Tại ngày 31/12/2020	-	124.500.000	<b>124.500.000</b>
<b>Giá trị còn lại</b>			
Tại ngày 01/01/2020	230.000.000	9	230.000.009
Tại ngày 31/12/2020	230.000.000	-	<b>230.000.000</b>
Nguyên giá tài sản cố định vô hình đã khấu hao hết nhưng vẫn còn sử dụng:			
Tại ngày 01/01/2020	-	-	-
Tại ngày 31/12/2020	-	124.500.000	-

Tài sản cố định vô hình là Giá trị Quyền sử dụng đất tại đường số 7A, phường Bình Trị Đông B, quận Bình Tân, Tp Hồ Chí Minh do UBND Tp Hồ Chí Minh cấp ngày 05/04/2004.

Quyền sử dụng đất này hiện đang được thế chấp tại Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam - Chi nhánh Đồng Tháp

### 5.11 Chi phí xây dựng cơ bản dở dang

	01/01/2020	Chi phí phát sinh trong năm	Kết chuyển vào tài sản cố định	31/12/2020
<b>Mua sắm tài sản cố định</b>				
Thiết bị sản xuất nui	536.700.500	-	(536.700.500)	-
Quyền sử dụng đất	6.491.764.767	-	-	6.491.764.767
Các thiết bị khác	576.033.307	-	(576.033.307)	-
<b>Xây dựng Cơ bản dở dang</b>				
Gia công máy đùn ống hút gạo	287.649.272	-	(287.649.272)	-
Giá công máy quếch BPT	-	518.374.177	(518.374.177)	-
Nâng cấp sàn px bánh tráng	-	1.340.979.415	(1.340.979.415)	-
Nâng cấp sàn đùn bún gạo	-	726.471.537	(726.471.537)	-
Nâng cấp sàn kho thành phẩm	-	813.365.737	(813.365.737)	-
Thang nâng Kho TP + Bánh tráng	-	324.215.000	(324.215.000)	-
Nhà xe xây dựng mới	-	1.008.632.448	-	1.008.632.448
Xây dựng nhà máy Bích Chi 2	9.908.149.657	53.636.364	-	9.961.786.021
	<b>17.800.297.503</b>	<b>4.785.674.678</b>	<b>(5.123.788.945)</b>	<b>17.462.183.236</b>

### 5.12 Phải trả người bán ngắn hạn

	31/12/2020 VND	01/01/2020 VND
<b>Phải trả cho các nhà cung cấp khác</b>		
Công ty TNHH SX - TM Bao Bì Tân Tiến Phát Tài	2.511.683.955	2.945.882.113
Công ty TNHH Đặng Hùng Duy	-	2.006.400.000
Các nhà cung cấp khác	14.171.376.253	8.477.226.526
	<b>16.683.060.208</b>	<b>13.429.508.639</b>

CÔNG TY CỔ PHẦN THỰC PHẨM BÍCH CHI  
45X1 Nguyễn Sinh Sắc, phường 2, TP Sa Đéc, tỉnh Đồng Tháp  
**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT**  
Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020

5.13	Người mua trả tiền trước ngắn hạn	Số phát sinh trong năm		01/01/2020	31/12/2020	01/01/2020
		Phải thu VND	Số đã nộp VND			
	Người mua trả tiền trước - Các tổ chức và cá nhân khác PUREUNFOOD CO.,LTD (GOEUN CO.,LTD) MILLENNIUM T&S IMPORT-EXPORT SOSTRA LTD P.D.JAYA ABADI (INKOPAD) Các khách hàng khác	-	-	-	-	1.246.137.420
		6.289.331.263	(474.129.765)	-	851.131.000	53.233.500
		973.710.001	(572.867.150)	-	589.979.280	-
		-	23.542.518.831	-	396.455.916	953.638.016
		-	(2.123.976.686)	-	4.216.818.260	3.859.966.941
		-	18.378.882	-		
		-	895.319.750	-		
		-	(3.000.000)	-		
		<b>7.263.041.264</b>	<b>28.278.298.693</b>	<b>110.193.462</b>	<b>3.493.901.014</b>	<b>110.193.462</b>

5.14	Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	Số phát sinh trong năm		01/01/2020	31/12/2020	01/01/2020
		Phải thu VND	Số đã nộp VND			
	Thuế GTGT hàng bán nội địa	-	-	-	-	110.193.462
	Thuế GTGT hàng nhập khẩu	-	474.129.765	-	-	-
	Thuế nhập khẩu	-	572.867.150	-	-	-
	Thuế thu nhập doanh nghiệp	6.289.331.263	(27.959.766.710)	-	1.872.083.384	-
	Thuế thu nhập cá nhân	973.710.001	(2.123.976.686)	-	1.621.817.630	-
	Thuế tài nguyên	-	18.378.882	-	-	-
	Tiền thuế đất	-	895.319.750	-	-	-
	Các loại thuế khác	-	(3.000.000)	-	-	-
		<b>7.263.041.264</b>	<b>32.047.438.943</b>	<b>110.193.462</b>	<b>3.493.901.014</b>	<b>110.193.462</b>

CÔNG TY CỔ PHẦN THỰC PHẨM BÍCH CHI  
 45X1 Nguyễn Sinh Sắc, phường 2, TP Sa Đéc, tỉnh Đồng Tháp  
**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT**  
 Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020

**Thuế giá trị gia tăng**

Công ty nộp thuế giá trị gia tăng theo phương pháp khấu trừ. Thuế suất thuế giá trị gia tăng cho hoạt động kinh doanh trong nước với thuế suất là 10%.

**Thuế nhập khẩu**

Công ty kê khai và nộp theo thông báo của Chi cục Hải quan

**Thuế đất**

Công ty đóng thuế sử dụng đất hàng năm theo thông báo của cơ quan thuế địa phương

**Thuế thu nhập doanh nghiệp ("TNDN")**

Công ty đang áp dụng thuế suất phổ thông 20%.

Công ty con hoạt động theo giấy chứng nhận đăng ký đầu tư số 4264464118 Công ty TNHH TMV Thực Phẩm Bích Chi 2 được hưởng thuế suất thuế thu nhập doanh nghiệp là 17% trong 10 năm đối với thu nhập từ thực hiện dự án đầu tư mới tại địa bàn có điều kiện kinh tế - xã hội khó khăn. Miễn thuế 02 năm và giảm 50% số thuế phải nộp trong 04 năm tiếp theo.

**Các loại thuế khác**

Công ty kê khai và nộp theo qui định.

**Thuế thu nhập doanh nghiệp ("TNDN") hiện hành:**

	2020 VND	2019 VND
<b>Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế</b>	116.521.821.566	82.295.214.706
<b>Các khoản điều chỉnh tăng, giảm lợi nhuận kế toán để xác định thu nhập chịu thuế TNDN:</b>	914.317.495	4.738.391.157
- Các khoản điều chỉnh tăng	2.053.543.629	4.738.391.157
- Các khoản điều chỉnh giảm	(1.139.226.134)	-
<b>Thu nhập tính thuế</b>	<b>117.436.139.061</b>	<b>87.033.605.863</b>
Thuế suất thuế thu nhập doanh nghiệp	20%	20%
<b>Thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp</b>	<b>23.487.227.812</b>	<b>17.406.721.173</b>
Truy thu thuế TNDN các năm trước	<b>55.291.019</b>	-
<b>Tổng thuế TNDN hiện hành</b>	<b>23.542.518.831</b>	<b>17.406.721.173</b>

**5.15 Phải trả ngắn hạn khác**

	31/12/2020 VND	01/01/2020 VND
<b>Phải trả các đơn vị và cá nhân khác</b>		
Kinh phí công đoàn	788.365.177	786.529.277
Cổ tức	30.057.156.600	17.417.049.200
Các khoản phải trả, phải nộp khác	1.046.357.559	1.072.818.115
<b>Tổng phải trả ngắn hạn khác</b>	<b>31.891.879.336</b>	<b>19.276.396.592</b>

CÔNG TY CỔ PHẦN THỰC PHẨM BÍCH CHI  
 45X1 Nguyễn Sinh Sắc, phường 2, TP Sa Đéc, tỉnh Đồng Tháp  
**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT**  
 Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020

**5.16 Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn**

	31/12/2020		01/01/2020	
	Giá trị	Số có khả năng trả nợ	Giá trị	Số có khả năng trả nợ
	VND	VND	VND	VND
<b>Vay ngắn hạn các tổ chức và cá nhân khác</b>				
Ngân hàng TMCP Ngoại Thương Việt Nam - CN Đồng Tháp (a)	29.169.693.930	29.169.693.930	23.928.061.500	23.928.061.500
Ngân hàng TNHH MTV Hong Leong Việt Nam - CN HCM (b)	12.341.001.140	12.341.001.140	7.653.936.550	7.653.936.550
Vay cán bộ nhân viên công ty (c)	521.900.000	521.900.000	373.500.000	373.500.000
	<b>42.032.595.070</b>	<b>42.032.595.070</b>	<b>31.955.498.050</b>	<b>31.955.498.050</b>

Thông tin chi tiết về từng khoản vay ngắn hạn:

(a) Đây là khoản vay của Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam - Chi nhánh Đồng Tháp theo hợp đồng cho vay theo hạn mức Số: 54/2019/VCB.ĐT - CRC ký ngày 03 tháng 10 năm 2019

- Hạn mức cho vay : 70.000.000.000 VND
- Thời hạn cho vay : 6 tháng
- Mục đích vay : Tài trợ các nhu cầu tín dụng ngắn hạn hợp pháp, hợp lý, hợp lệ phục vụ hoạt động sản xuất kinh doanh
- Lãi suất : 2,8%/năm - 3,2%/năm
- Tài sản thế chấp : \* Theo hợp đồng thế chấp tài sản gắn liền với đất số 32/2017/VCB - ĐT ngày 13/2/2017
  - Phân xưởng sản xuất và văn phòng làm việc với diện tích 6.710,04m<sup>2</sup> theo Giấy chứng nhận QSH Công trình xây dựng số 008/TXSĐ do UBND tỉnh Đồng Tháp cấp ngày 18/12/2017
  - Nhà ở công nhân với diện tích 590m<sup>2</sup> theo Giấy chứng nhận QSH Công trình xây dựng số 878672991100107 do UBND tỉnh Đồng Tháp cấp ngày 18/12/2004
  - Nhà xưởng sản xuất bột tươi với diện tích 1,289,4m<sup>2</sup> theo Giấy chứng nhận QSH Công trình xây dựng số 878672991100111 do UBND tỉnh Đồng Tháp cấp ngày 02/06/2008
  - Quyền sử dụng đất làm nhà ở với diện tích 138m<sup>2</sup> tại đường số 7A, phường Bình Trị Đông B, quận Tân Bình, Tp Hồ Chí Minh theo Giấy chứng nhận QSH số w032059 do UBND tỉnh Đồng Tháp cấp ngày 05/04/2004
  - \* Hợp đồng thế chấp Máy móc thiết bị số 34/2017/VCB - ĐT ngày 13/2/2017
  - Máy móc thiết bị, dây chuyền công nghệ đang hiện hữu tại số 45x1, đường Nguyễn Sinh Sắc, phường 2, Tp Sa Đéc, tỉnh Đồng Tháp
  - \* Hợp đồng thế chấp hàng hóa Số: 79/2019/VCB.ĐT - CRC ký vào tháng 12 năm 2019
  - Các khoản phải thu và hàng tồn kho có giá trị luân chuyển tối thiểu là 29.102.150.096 VNĐ
- Số dư vay tại thời điểm 31/12/2020 : 29.169.693.930 VND



**CÔNG TY CỔ PHẦN THỰC PHẨM BÍCH CHI**

45X1 Nguyễn Sinh Sắc, phường 2, TP Sa Đéc, tỉnh Đồng Tháp

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT**

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020

(b) Đây là khoản vay của Ngân hàng TNHH Một thành viên Hong Leong Việt Nam theo Hợp đồng tín dụng thương mại Số HCM/2018/026/HDTD\_BICHCHI ký ngày 12 tháng 10 năm 2018

- Hạn mức cho vay : 40.000.000.000 VND
- Thời hạn cho vay : Dưới 12 tháng
- Mục đích vay : Mua nguyên vật liệu, hàng hóa trong và ngoài nước liên quan đến hoạt động kinh doanh
- Lãi suất : 2,5%/năm - 3%/năm
- Tài sản thế chấp : 100% tổng giá trị của các khoản Tiền gửi có kỳ hạn bằng tiền Việt Nam đồng
  - Các khoản tiền gửi có kỳ hạn có giá trị tối thiểu 2.000.000.000 đồng
  - \* Theo Hợp đồng thế chấp HCM/2018/026/HDTTC/BICHCHI ngày 12 tháng 10 năm 2018
  - Các khoản phải thu và hàng tồn kho có giá trị tối thiểu là 44.500.000.000 VNĐ
- Số dư vay tại thời điểm 31/12/2020 : 12.341.001.140 VND

(c) Đây là khoản vay cán bộ công nhân viên của công ty, mục đích bổ sung vốn lưu động, khoản tiền lãi này được trả một lần vào cuối năm với lãi suất 8%/năm

Chi tiết số phát sinh về các khoản vay ngắn hạn trong năm như sau:

	01/01/2020	Số tiền vay phát sinh trong năm	Số tiền vay đã trả trong năm	Ảnh hưởng chênh lệch tỷ giá	31/12/2020
	VND	VND	VND		VND
Vay ngắn hạn ngân hàng	31.581.998.050	91.300.315.934	(81.358.684.363)	(12.934.551)	41.510.695.070
Vay ngắn hạn các nhân khác	373.500.000	564.800.000	(416.400.000)	-	521.900.000
	<b>31.955.498.050</b>	<b>91.865.115.934</b>	<b>(81.775.084.363)</b>	<b>(12.934.551)</b>	<b>42.032.595.070</b>

**5.17 Quỹ khen thưởng, phúc lợi**

	01/01/2020	Tăng do khen thưởng	Chi quỹ trong năm	31/12/2020
	VND	VND	VND	VND
Quỹ khen thưởng	3.754.467.713	1.505.960.000	(99.900.000)	5.160.527.713
Quỹ phúc lợi	1.029.752.265	50.000.000	(315.800.000)	763.952.265
	<b>4.784.219.978</b>	<b>1.555.960.000</b>	<b>(415.700.000)</b>	<b>5.924.479.978</b>

CÔNG TY CỔ PHẦN THỰC PHẨM BÍCH CHÌ  
 45X1 Nguyễn Sinh Sắc, phường 2, TP Sa Đéc, tỉnh Đồng Tháp  
**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT**  
 Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020

**5.18 Vốn chủ sở hữu**

**5.18.1 Bảng đối chiếu biến động vốn chủ sở hữu**

	Vốn góp của chủ sở hữu	Quỹ đầu tư phát triển	Quỹ khác vốn chủ sở hữu	Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	Tổng cộng
	VND	VND		VND	VND
Tại ngày 01/01/2019	171.343.870.000	1.402.422.268	1.680.130.939	12.976.185.509	187.402.608.716
Lãi trong năm	-	-	-	64.888.493.533	64.888.493.533
Bổ sung từ lợi nhuận	11.993.490.000	-	-	-	11.993.490.000
Chia cổ tức bằng cổ phiếu	-	-	-	(11.993.490.000)	(11.993.490.000)
Trích lập quỹ công tác từ thiện	-	-	-	(500.000.000)	(500.000.000)
Thù lao Ban kiểm soát	-	-	-	(216.000.000)	(216.000.000)
Chia cổ tức	-	-	-	(27.500.604.000)	(27.500.604.000)
<b>Tại ngày 31/12/2019</b>	<b>183.337.360.000</b>	<b>1.402.422.268</b>	<b>1.680.130.939</b>	<b>37.654.585.042</b>	<b>224.074.498.249</b>
Tại ngày 01/01/2020	183.337.360.000	1.402.422.268	1.680.130.939	37.654.585.042	224.074.498.249
Lãi trong năm	-	-	-	92.979.302.735	92.979.302.735
Tăng vốn từ phát hành cổ phiếu	27.499.890.000	-	-	(27.499.890.000)	-
Trích lập quỹ đầu tư phát triển	-	6.900.000.000	-	(6.900.000.000)	-
Trích lập quỹ công khen thưởng phúc lợi	-	-	-	(1.550.000.000)	(1.550.000.000)
Tạm trích chia cổ tức trong năm 2020	-	-	-	(30.057.156.600)	(30.057.156.600)
Chia cổ tức trong năm 2020	-	-	-	(10.735.298.900)	(10.735.298.900)
<b>Tại ngày 31/12/2020</b>	<b>210.837.250.000</b>	<b>8.302.422.268</b>	<b>1.680.130.939</b>	<b>53.891.542.277</b>	<b>274.711.345.484</b>

**5.18.2 Chi tiết vốn góp của chủ sở hữu**

Thành viên	31/12/2020		01/01/2020	
	VND	Tỷ lệ (%)	VND	Tỷ lệ (%)
Phạm Thanh Bình	30.446.770.000	14,44	26.040.670.000	14,20
Bùi Văn Sáu	21.100.720.000	10,01	18.348.460.000	10,01
Nguyễn Hương Liên	20.504.060.000	9,73	17.829.620.000	9,73
Mai Thế Khôi	16.689.690.000	7,92	10.164.950.000	5,54
Nguyễn Thị Ngọc Hà	10.000.000.000	4,74	12.973.510.000	7,08
Vũ Văn Hải	12.573.240.000	5,96	10.933.260.000	5,96
Trần Thị Nhựt	12.467.520.000	5,91	10.841.330.000	5,91
Trang Sĩ Đức	9.550.350.000	4,53	9.174.220.000	5,00
Các cổ đông khác	77.504.900.000	36,76	67.031.340.000	36,56
	<b>210.837.250.000</b>	<b>100,00</b>	<b>183.337.360.000</b>	<b>100,00</b>



CÔNG TY CỔ PHẦN THỰC PHẨM BÍCH CHI  
 45X1 Nguyễn Sinh Sắc, phường 2, TP Sa Đéc, tỉnh Đồng Tháp  
**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT**  
 Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020

**5.18.3 Cổ phiếu**

	31/12/2020	01/01/2020
Số lượng cổ phiếu đăng ký phát hành	21.083.725	18.333.736
Số lượng cổ phiếu đã bán ra công chúng		
Cổ phiếu phổ thông	21.083.725	18.333.736
Cổ phiếu ưu đãi	-	-
Số lượng cổ phiếu được mua lại	-	-
Cổ phiếu phổ thông	-	-
Cổ phiếu ưu đãi	-	-
Số lượng cổ phiếu đang lưu hành	21.083.725	18.333.736
Cổ phiếu phổ thông	21.083.725	18.333.736
Cổ phiếu ưu đãi	-	-

Mệnh giá cổ phiếu đang lưu hành: 10.000 VND.

**5.19 Các khoản mục ngoài bảng cân đối kế toán**

**5.19.1 Ngoại tệ các loại**

	31/12/2020	01/01/2020
- Đô la Mỹ (USD)	650.613,08	1.191.542,65

**5.19.2 Nợ khó đòi đã xử lý**

	31/12/2020		01/01/2020	
	Ngoại tệ (USD)	Số tiền	Ngoại tệ (USD)	Số tiền
Royal Foods - Paris	33.032,00	706.224.160	33.032,00	706.224.160
S & B Herba Foods Limited - UK	30.213,00	645.953.940	30.213,00	645.953.940
Good Life Handels GMBH - Germany	30.132,00	644.222.160	30.132,00	644.222.160
Trans Actions Sarl - Senegal	27.000,00	577.260.000	27.000,00	577.260.000
Kim Sun Trading Co., Ltd - UK	24.600,00	394.362.600	24.600,00	394.362.600
Link Korea Co., Ltd - Korea	11.382,41	243.355.926	11.382,41	243.355.926
All in One Solution Limited - Canada	15.927,60	241.304.038	15.927,60	241.304.038
Saigon Sairopa Deutschland GMBH	6.120,00	130.845.600	6.120,00	130.845.600
Các khách hàng nước ngoài khác	18.277,69	292.325.476	18.277,69	292.325.476
Các khách hàng nội địa khác	-	274.958.820	-	274.958.820
	<b>196.684,70</b>	<b>4.150.812.720</b>	<b>196.684,70</b>	<b>4.150.812.720</b>

CÔNG TY CỔ PHẦN THỰC PHẨM BÍCH CHI

45X1 Nguyễn Sinh Sắc, phường 2, TP Sa Đéc, tỉnh Đồng Tháp

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT**

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020

**6. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH HỢP NHẤT**

**6.1 Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ**

**6.1.1 Tổng doanh thu**

	2020 VND	2019 VND
Doanh thu bán hàng hóa	598.545.261.987	537.261.854.028
Doanh thu cung cấp dịch vụ	1.603.176.434	1.729.098.986
	<b>600.148.438.421</b>	<b>538.990.953.014</b>

**6.1.2 Các khoản giảm trừ doanh thu**

	2020 VND	2019 VND
Chiếu khấu thương mại	8.228.857.572	8.231.108.127
Hàng bán trả lại	277.602.675	344.606.493
	<b>8.506.460.247</b>	<b>8.575.714.620</b>

**6.2 Giá vốn hàng bán**

	2020 VND	2019 VND
Giá vốn của hàng hóa đã bán	418.556.410.313	385.393.660.435
Giá vốn dịch vụ	96.670.708	286.627.234
	<b>418.653.081.021</b>	<b>385.680.287.669</b>

**6.3 Doanh thu hoạt động tài chính**

	2020 VND	2019 VND
Lãi tiền gửi ngân hàng	5.897.355.753	2.018.910.692
Lãi do chênh lệch tỷ giá phát sinh trong năm	1.200.901.226	1.253.431.741
Lãi do đánh giá chênh lệch tỷ giá cuối năm	499.063.853	-
	<b>7.597.320.832</b>	<b>3.272.342.433</b>

**6.4 Chi phí tài chính**

	2020 VND	2019 VND
Chi phí lãi vay	832.132.250	1.497.040.263
Lỗ do chênh lệch tỷ giá	664.896.462	692.015.177
	<b>1.497.028.712</b>	<b>2.189.055.440</b>

**6.5 Chi phí bán hàng**

	2020 VND	2019 VND
Chi phí nhân viên quản lý	2.262.485.827	2.208.897.385
Chi phí trung chuyển, bốc vác	24.505.854.705	19.786.733.125
Chi phí hoa hồng bán hàng	9.513.128.518	11.144.282.965
Chi phí quảng cáo - chào hàng	3.045.990.956	4.136.901.888
Chi phí khấu hao tài sản cố định	255.820.172	740.014.950
Các chi phí khác	63.670.000	56.014.888
	<b>39.646.950.178</b>	<b>38.072.845.201</b>

CÔNG TY CỔ PHẦN THỰC PHẨM BÍCH CHI

45X1 Nguyễn Sinh Sắc, phường 2, TP Sa Đéc, tỉnh Đồng Tháp

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT**

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020

**6.6 Chi phí quản lý doanh nghiệp**

	2020 VND	2019 VND
Chi phí nhân viên quản lý	12.087.944.931	11.889.470.812
Chi phí vật liệu, đồ dùng văn phòng	1.709.515.258	1.485.445.689
Chi phí khấu hao tài sản cố định	4.965.730.880	4.384.011.799
Chi phí dự phòng	104.082.932	882.393.853
Chi phí dịch vụ mua ngoài	357.803.810	577.296.619
Các chi phí khác	4.411.247.941	3.433.135.664
	<b>23.636.325.752</b>	<b>22.651.754.436</b>

**6.7 Thu nhập khác**

	2020 VND	2019 VND
Thu tiền trực in bao bì	513.553.475	28.641.870
Xử lý tài sản thừa trong năm	532.546.656	527.537.822
Thu tiền cước tàu	555.222.850	330.590.207
Thu nhập khác	260.866.568	403.302.174
	<b>1.862.189.549</b>	<b>1.290.072.073</b>

**6.8 Chi phí khác**

	2020 VND	2019 VND
Xử lý chênh lệch hàng tồn kho các năm trước	835.864.689	394.807.201
Chi phí truy thu, nộp phạt vi phạm	210.383.587	3.400.520.009
Chi phí khác	100.033.050	293.168.238
	<b>1.146.281.326</b>	<b>4.088.495.448</b>

**6.9 Chi phí sản xuất kinh doanh theo yếu tố**

	2020 VND	2019 VND
Chi phí nguyên liệu, vật liệu	248.918.311.943	285.792.187.858
Chi phí nhân công	78.388.532.007	67.392.449.420
Chi phí khấu hao tài sản cố định	19.900.762.068	20.223.759.011
Chi phí dịch vụ mua ngoài	138.310.517.723	48.121.669.736
Chi phí khác	13.820.457.087	18.718.929.488,00
	<b>499.338.580.827</b>	<b>440.248.995.513</b>

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT**

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020

**6.10 Lãi cơ bản trên cổ phiếu**

	2020 VND	2019 VND
Lợi nhuận kế toán sau thuế thu nhập doanh nghiệp	92.979.302.735	64.888.493.533
Các khoản điều chỉnh tăng hoặc giảm lợi nhuận kế toán để xác Số trích quỹ khen thưởng phúc lợi	-	(1.550.000.000)
Lợi nhuận phân bổ cho cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông	92.979.302.735	63.338.493.533
Cổ phiếu phổ thông đang lưu hành bình quân trong năm	19.250.399	18.333.736
<b>Lãi cơ bản trên cổ phiếu (VND/cổ phiếu)</b>	<b>4.830</b>	<b>3.455</b>

**7. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ HỢP NHẤT**

**7.1 Các giao dịch không bằng tiền**

Trong năm Công ty phát sinh các giao dịch không bằng tiền như sau:

	2020 VND	2019 VND
Tăng vốn từ lợi nhuận	27.499.890.000	11.993.490.000
	<b>27.499.890.000</b>	<b>11.993.490.000</b>

**7.2 Tiền thu từ đi vay**

	2020 VND	2019 VND
Tiền thu từ đi vay theo kế ước thông thường	91.865.115.934	126.528.073.236

**7.3 Tiền trả nợ gốc vay**

	2020 VND	2019 VND
Tiền trả nợ gốc vay theo kế ước thông thường	81.829.177.473	145.118.105.501

**8. MỤC ĐÍCH VÀ CHÍNH SÁCH QUẢN LÝ RỦI RO TÀI CHÍNH**

Công ty có các tài sản tài chính như các khoản phải thu khách hàng và các khoản phải thu khác, đầu tư góp vốn vào đơn vị khác, tiền mặt và tiền gửi ngắn hạn phát sinh trực tiếp từ hoạt động của Công ty. Nợ phải trả tài chính của Công ty chủ yếu bao gồm các khoản nợ vay, các khoản phải trả người bán và các khoản phải trả khác. Mục đích chính của các khoản nợ phải trả tài chính này là nhằm huy động các nguồn tài chính phục vụ cho các hoạt động của Công ty.

Công ty chịu rủi ro thị trường, rủi ro tín dụng và rủi ro thanh khoản.

Nghiệp vụ quản lý rủi ro là nghiệp vụ không thể thiếu cho toàn bộ hoạt động kinh doanh của Công ty. Công ty chưa thực hiện các biện pháp phòng ngừa các rủi ro này do thiếu thị trường mua các công cụ tài chính.

Ban Giám đốc xem xét, thống nhất áp dụng các chính sách quản lý cho các rủi ro nói trên như sau:

**i Rủi ro thị trường**

Rủi ro thị trường là rủi ro mà giá trị hợp lý của các luồng tiền trong tương lai của các công cụ tài chính sẽ biến động theo những thay đổi của giá thị trường. Rủi ro thị trường có bốn loại rủi ro: rủi ro lãi suất, rủi ro tiền tệ, rủi ro về giá hàng hóa và rủi ro về giá khác, chẳng hạn như rủi ro về giá cổ phần.

## **THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT**

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020

### ***Rủi ro lãi suất***

Rủi ro lãi suất là rủi ro mà giá trị hợp lý hoặc các luồng tiền trong tương lai của một công cụ tài chính sẽ biến động theo những thay đổi của lãi suất thị trường. Rủi ro thị trường do thay đổi lãi suất của Công ty chủ yếu liên quan đến tiền, các khoản tiền gửi ngắn hạn và các khoản vay của Công ty.

Công ty quản lý rủi ro lãi suất bằng cách phân tích tình hình cạnh tranh trên thị trường để có được lãi suất có lợi cho mục đích của Công ty và vẫn nằm trong giới hạn quản lý rủi ro của mình.

### ***Rủi ro ngoại tệ***

Rủi ro ngoại tệ là rủi ro mà giá trị hợp lý của các luồng tiền trong tương lai của các công cụ tài chính sẽ biến động theo những thay đổi của tỉ giá hối đoái. Công ty chịu rủi ro do sự thay đổi của tỉ giá hối đoái liên quan trực tiếp đến hoạt động kinh doanh của mình.

Công ty có rủi ro ngoại tệ do thực hiện mua và bán hàng hóa bằng đơn vị tiền tệ khác với đồng tiền kế toán của Công ty. Công ty quản lý rủi ro ngoại tệ bằng cách xem xét tình hình thị trường hiện hành và dự kiến khi Công ty lập kế hoạch mua và bán hàng trong tương lai bằng ngoại tệ.

### ***Rủi ro tín dụng***

Rủi ro tín dụng là rủi ro mà một bên tham gia trong một công cụ tài chính hoặc hợp đồng giao dịch không thực hiện được nghĩa vụ của mình, dẫn đến tổn thất về tài chính. Công ty có rủi ro tín dụng từ các hoạt động kinh doanh của mình (chủ yếu đối với tài khoản phải thu khách hàng), và từ hoạt động tài chính của mình, bao gồm tiền gửi ngân hàng, nghiệp vụ ngoại hối và các công cụ tài chính khác.

### ***Phải thu khách hàng***

Công ty thường xuyên theo dõi các khoản phải thu chưa thu được. Đối với các khách hàng lớn, Công ty xem xét sự suy giảm trong chất lượng tín dụng của từng khách hàng tại ngày lập báo cáo. Công ty tìm cách duy trì sự kiểm soát chặt chẽ các khoản phải thu tồn đọng và bố trí nhân sự kiểm soát tín dụng để giảm thiểu rủi ro tín dụng. Trên cơ sở này và việc các khoản phải thu khách hàng của Công ty có liên quan đến nhiều khách hàng khác nhau, rủi ro tín dụng không tập trung đáng kể vào một khách hàng nhất định.

### ***Tiền gửi ngân hàng***

Công ty chủ yếu duy trì số dư tiền gửi tại các ngân hàng được nhiều người biết đến tại Việt Nam. Rủi ro tín dụng của số dư tiền gửi tại các ngân hàng được quản lý bởi bộ phận ngân quỹ của Công ty theo chính sách của Công ty. Rủi ro tín dụng tối đa của Công ty đối với các khoản mục trên bản cân đối kế toán tại ngày kết thúc kỳ tài chính là giá trị ghi sổ như trình bày trong Thuyết minh số 5.1. Công ty nhận thấy mức độ tập trung rủi ro tín dụng đối với khoản tiền gửi ngân hàng là thấp.

## **ii Rủi ro thanh khoản**

Rủi ro thanh khoản là rủi ro mà Công ty sẽ gặp khó khăn khi thực hiện các nghĩa vụ tài chính do thiếu vốn. Rủi ro thanh khoản của Công ty chủ yếu phát sinh từ việc các tài sản tài chính và nợ phải trả tài chính có thời điểm đáo hạn lệch nhau.

Công ty giảm thiểu rủi ro thanh khoản bằng cách duy trì một lượng tiền mặt và các khoản tương đương tiền và các khoản vay ngân hàng ở mức mà Ban Giám đốc cho rằng đủ để đáp ứng cho các hoạt động của Công ty và giảm thiểu rủi ro do những biến động của luồng tiền. Bảng dưới đây tổng hợp thời hạn thanh toán của các khoản nợ phải trả tài chính của Công ty dựa trên các khoản thanh toán dự kiến trên hợp đồng cơ sở chưa được chiết khấu:

## THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020

	Dưới 1 năm VND	Từ 1 đến 5 năm VND	Tổng cộng VND
<b>Ngày 31 tháng 12 năm 2020</b>			
Các khoản vay và nợ	42.032.595.070	-	42.032.595.070
Phải trả người bán	16.683.060.208	-	16.683.060.208
Phải trả khác	31.103.514.159	-	31.103.514.159
	<b>89.819.169.437</b>	<b>-</b>	<b>89.819.169.437</b>
<b>Ngày 01 tháng 01 năm 2020</b>			
Các khoản vay và nợ	31.955.498.050	-	31.955.498.050
Phải trả người bán	13.429.508.639	-	13.429.508.639
Phải trả khác	18.489.867.315	-	18.489.867.315
	<b>63.874.874.004</b>	<b>-</b>	<b>63.874.874.004</b>

### Tài sản đảm bảo

Công ty đã dùng các khoản phải thu, hàng tồn kho và tài sản cố định của mình để đảm bảo cho các khoản vay tại các ngân hàng tại ngày 01 tháng 01 năm 2020 và ngày 31 tháng 12 năm 2020 (xem tại thuyết minh 5.2, 5.3, 5.7, 5.9 và 5.10).

Công ty không nắm giữ tài sản đảm bảo của một bên khác tại ngày 01 tháng 01 năm 2020 và ngày 31 tháng 12 năm 2020.

### Giá trị hợp lý và giá trị ghi sổ

	Giá trị ghi sổ		Giá trị hợp lý	
	31/12/2020 VND	01/01/2020 VND	31/12/2020 VND	01/01/2020 VND
<b>Tài sản tài chính</b>				
Phải thu khách hàng	53.609.331.891	55.450.047.835	53.609.331.891	55.450.047.835
Phải thu khác	6.611.476.093	3.900.278.985	6.611.476.093	3.900.278.985
	<b>60.220.807.984</b>	<b>59.350.326.820</b>	<b>60.220.807.984</b>	<b>59.350.326.820</b>
<b>Nợ phải trả tài chính</b>				
Vay và nợ	42.032.595.070	31.955.498.050	42.032.595.070	31.955.498.050
Phải trả người bán	16.683.060.208	13.429.508.639	16.683.060.208	13.429.508.639
Phải trả khác	31.103.514.159	18.489.867.315	31.103.514.159	18.489.867.315
	<b>89.819.169.437</b>	<b>63.874.874.004</b>	<b>89.819.169.437</b>	<b>63.874.874.004</b>

Giá trị hợp lý của tài sản và nợ phải trả tài chính không được đánh giá và xác định một cách chính thức vào ngày 31 tháng 12 năm 2020 và ngày 01 tháng 01 năm 2020. Tuy nhiên, Ban Tổng Giám đốc đánh giá giá trị hợp lý của những tài sản và phải trả tài chính này không có chênh lệch trọng yếu với giá trị ghi sổ của chúng tại ngày kết thúc năm tài chính.

## 9. CÁC THÔNG TIN KHÁC

### 9.1 Giao dịch và số dư với các bên liên quan

Các bên liên quan bao gồm: các thành viên quản lý chủ chốt, các cá nhân có liên quan với các thành viên quản lý chủ chốt và các bên liên quan khác.

## THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020

### 9.1.1 Giao dịch và số dư với các thành viên quản lý chủ chốt và các cá nhân có liên quan với các thành viên quản lý chủ chốt

Các thành viên quản lý chủ chốt gồm: các thành viên Hội đồng quản trị và các thành viên Ban Tổng Giám đốc. Các cá nhân có liên quan với các thành viên quản lý chủ chốt là các thành viên mật thiết trong gia đình các thành viên quản lý chủ chốt.

*Giao dịch với các thành viên quản lý chủ chốt và các cá nhân có liên quan với các thành viên quản lý chủ chốt*

Công ty không phát sinh giao dịch bán hàng và cung cấp dịch vụ cho các thành viên quản lý chủ chốt và các cá nhân có liên quan với các thành viên quản lý chủ chốt.

Tại ngày kết thúc kỳ tài chính, Công ty không có công nợ với các thành viên quản lý chủ chốt và các cá nhân có liên quan với các thành viên quản lý chủ chốt.

*Thu nhập của các thành viên quản lý chủ chốt*

	2020 VND	2019 VND
Lương, thưởng, thù lao	5.522.266.000	4.362.878.000
Cổ tức	4.949.523.000	9.529.055.000

### 9.1.2 Giao dịch và số dư với các bên liên quan khác

Các bên liên quan khác với Công ty bao gồm: các cá nhân có quyền trực tiếp hoặc gián tiếp biểu quyết ở Công ty và các thành viên mật thiết trong gia đình của họ, các doanh nghiệp do các nhân viên quản lý chủ chốt và các cá nhân có quyền trực tiếp hoặc gián tiếp biểu quyết của Công ty và các thành viên mật thiết trong gia đình của họ.

*Giao dịch với các bên liên quan khác*

Công ty chưa phát sinh giao dịch bán hàng hóa và cung cấp dịch vụ với công ty con.

Công ty chưa phát sinh giao dịch phát sinh mua, bán hàng hóa và cung cấp dịch vụ với các bên liên quan khác.

*Cam kết bảo lãnh*

Tại ngày kết thúc năm tài chính, Công ty không có cam kết bảo lãnh nghĩa vụ tài chính cho các bên liên quan khác.

## THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020

### 9.1.3 Số liệu so sánh

Ảnh hưởng của việc điều chỉnh các sai sót đến số liệu so sánh trong Báo cáo tài chính hợp nhất như sau:

	Mã số	Số liệu đã trình bày tại 31/12/2019 VND	Các điều chỉnh VND	Số liệu trình bày tại 01/01/2020 VND
<b>Bảng cân đối kế toán</b>				
Chi phí trả trước dài hạn	261	1.157.999.147	45.392.214	1.203.391.361
Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	421	37.609.192.828	45.392.214	37.654.585.042
		<b>năm 2019 đã trình bày</b>	<b>Các điều chỉnh</b>	<b>năm 2019 trình bày lại</b>
<b>Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh</b>				
Doanh thu hoạt động tài chính	21	3.273.844.733	(1.502.300)	3.272.342.433
Chi phí quản lý doanh nghiệp	26	22.666.430.541	(14.676.105)	22.651.754.436
Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	60	82.282.040.901	13.173.805	82.295.214.706
Lãi cơ bản trên cổ phiếu	70	3.592	(137)	3.455
<b>Báo cáo lưu chuyển tiền tệ</b>				
Lợi nhuận trước thuế	01	82.282.040.901	13.173.805	82.295.214.706
Tăng, giảm chi phí trả trước	12	733.029.297	(13.173.805)	719.855.492

Các điều chỉnh trên do sai sót của các năm trước.

### 9.1.4 Thông tin về bộ phận

Thông tin bộ phận được trình bày theo lĩnh vực kinh doanh và khu vực địa lý. Báo cáo bộ phận chính chủ yếu là theo khu vực địa lý.

#### Thông tin bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh

Hoạt động chủ yếu của Công ty là kinh doanh thương mại, sản xuất và chế biến lương thực, thực phẩm.

#### Thông tin bộ phận theo khu vực địa lý

Công ty có hoạt động kinh xuất khẩu và tiêu thụ nội địa.

2020	Hoạt động xuất khẩu VND	Tiêu thụ nội địa VND	Cộng VND
Doanh thu thuần	388.466.247.395	203.175.730.779	591.641.978.174
Chi phí phân bổ	(244.895.656.578)	(173.757.424.443)	(418.653.081.021)
<b>Kết quả kinh doanh bộ phận</b>	<b>143.570.590.817</b>	<b>29.418.306.336</b>	<b>172.988.897.153</b>
Chi phí không phân bổ			(63.283.275.930)
Thu nhập hoạt động tài chính			7.597.320.832
Chi phí hoạt động tài chính			(1.497.028.712)
Thu nhập khác			1.862.189.549
Chi phí khác			(1.146.281.326)
<b>Lợi nhuận trước thuế</b>			<b>116.521.821.566</b>
Chi phí thuế TNDN hiện hành			(23.542.518.831)
Chi phí thuế TNDN hoãn lại			-
<b>Lợi nhuận sau thuế TNDN</b>			<b>92.979.302.735</b>



CÔNG TY CỔ PHẦN THỰC PHẨM BÍCH CHÌ  
45X1 Nguyễn Sinh Sắc, phường 2, TP Sa Đéc, tỉnh Đồng Tháp

## THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020

Vào ngày 31/12/2020

Tài sản và nợ phải trả

Tài sản không phân bổ

393.763.848.739

**Tổng tài sản**

**393.763.848.739**

Nợ phải trả không phân bổ

119.052.503.255

**Tổng nợ phải trả**

**119.052.503.255**

**2019**

Doanh thu thuần

336.773.920.176

193.641.318.218

530.415.238.394

Chi phí phân bổ

(234.640.060.574)

(151.040.227.095)

(385.680.287.669)

**Kết quả kinh doanh bộ phận**

**102.133.859.602**

**42.601.091.123**

**144.734.950.725**

Chi phí không phân bổ

(60.724.599.637)

Thu nhập hoạt động tài chính

3.272.342.433

Chi phí hoạt động tài chính

(2.189.055.440)

Thu nhập khác

1.290.072.073

Chi phí khác

(4.088.495.448)

**Lợi nhuận trước thuế**

**82.295.214.706**

Chi phí thuế TNDN hiện hành

(17.406.721.173)

Chi phí thuế TNDN hoãn lại

**Lợi nhuận sau thuế TNDN**

**64.888.493.533**

Vào ngày 01/01/2020

Tài sản và nợ phải trả

Tài sản không phân bổ

316.772.336.973

**Tổng tài sản**

**316.772.336.973**

Nợ phải trả không phân bổ

92.697.838.724

**Tổng nợ phải trả**

**92.697.838.724**

### 9.2 Các sự kiện phát sinh sau ngày kết thúc năm tài chính

Không có sự kiện nào phát sinh sau ngày kết thúc năm tài chính yêu cầu phải điều chỉnh số liệu hoặc công bố trong Báo cáo tài chính.



Phan Thị Tuyết Sương  
Người lập biểu

Trần Văn Thiều  
Kế toán trưởng

Phạm Thanh Bình  
Tổng Giám đốc

Đồng Tháp, ngày 15 tháng 03 năm 2021

CÔNG TY CỔ PHẦN  
THỰC PHẨM BÍCH CHI

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập – Tự Do – Hạnh phúc

Số 16/ BC.HĐQT  
V/v giải trình chênh lệch  
LNST năm 2020 so với  
cùng kỳ năm 2019.

TP.Sa Đéc, ngày 15 tháng 3 năm 2021

**Kính gửi : Ủy Ban Chứng Khoán Nhà nước  
Sở Giao Dịch Chứng Khoán Hà Nội**

*Tên Công Ty : Công Ty cổ phần thực phẩm Bích Chi  
Địa chỉ : 45x1 Nguyễn Sinh Sắc, Phường 2, thành phố Sa Đéc, tỉnh Đồng Tháp*

Căn cứ Thông Tư số 155/TT-BTC ngày 06/10/2015 của Bộ Tài Chính về hướng dẫn công bố thông tin trên thị trường chứng khoán ;

Căn cứ Báo cáo tài chính hợp nhất năm 2020 đã được kiểm toán của Công Ty cổ phần thực phẩm Bích Chi ,

Công Ty cổ phần thực phẩm Bích Chi xin giải trình về việc lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp năm 2020 tăng 43% so với lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp cùng kỳ năm 2019 :

Lợi nhuận sau thuế TNDN năm 2019 : 64.888.493.533đ

Lợi nhuận sau thuế TNDN năm 2020 : 92.979.302.735đ

Nguyên nhân :

- Doanh thu tăng, tăng tỷ lệ thu hồi .

Trên đây là giải trình về lợi nhuận sau thuế TNDN năm 2020 tăng hơn 10% so với cùng kỳ năm 2019.

Trân trọng,



*Phạm Thanh Bình*